

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 246 - Năm thứ 23 - Tháng 04-2010

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hopthu@thongluan.org

Mua báo : Nghiêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

XÃ LUẬN



Không phải vì sợ Trung Quốc

Nhiều dấu hiệu gần đây cho thấy chính sách ngoại giao của Việt Nam đang có khuynh hướng giảm bớt ảnh hưởng Trung Quốc và gia tăng quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ.

Việt Nam tăng cường không quân và hải quân mà công dụng chủ yếu chỉ là để, nếu cần, đương đầu với Trung Quốc. Bộ ngoại giao Việt Nam lập trang Web lãnh thổ và lãnh hải với nội dung và ngôn ngữ ngày càng thêm tính phản bác đối với lập trường của Trung Quốc trên Biển Đông. Phong trào phản đối khai thác bôxit Tây Nguyên đã ít nhiều được sự nâng đỡ và bảo vệ của ít nhất một thành phần cầm quyền trong đảng cộng sản. Những người dân chủ Việt Nam vẫn bị đàn áp, và sự đàn áp còn gia tăng hẳn mức độ thô bạo trong thời gian gần đây, nhưng những bài báo chống Trung Quốc không còn là lý do và chủ đề của những cuộc thẩm vấn. Rõ rệt hơn nữa, chính quyền đã bắt đèn xanh và, trong một chừng mực nào đó, yểm trợ cho những cuộc hội thảo trong đó các diễn giả hô hào tách khỏi sự lệ thuộc Trung Quốc và nhanh chóng tiến tới thế hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ. Những sự kiện này có tác dụng chắc chắn là tăng cường một khuynh hướng đã được tuyệt đại đa số nhân dân, kể cả các đảng viên cộng sản, tán thành từ lâu.

Lý do của chuyển động chính trị quan trọng này khá dễ hiểu. Ban lãnh đạo cộng sản thừa hiểu rằng quy lụy đối với Trung Quốc chẳng có lợi gì cả mà chỉ khiến Trung Quốc gia tăng sự chèn ép, hơn thế nó còn khiến họ ngày càng bị cô lập và chống đối không những bởi nhân dân mà còn ngay chính trong nội bộ đảng. Không ai, dù là người đối lập với đảng cộng sản, muốn Việt Nam bất hòa với nước láng giềng khổng lồ phương Bắc nhưng mọi người đều đã hiểu rằng muốn được yên thân với Trung Quốc và giữ được lãnh thổ và lãnh hải thì cũng phải làm như các nước trong vùng, nghĩa là tranh thủ cảm tình và hậu thuẫn của thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ.



Vậy tại sao đảng cộng sản lại cố bám lấy Trung Quốc và không quả quyết sáp lại với Hoa Kỳ ? Giải thích thông thường mà ban lãnh đạo cộng sản muốn dân chúng tin là một chọn lựa như vậy có thể đưa đến nguy cơ làm Trung Quốc nổi giận và làm càn. Nhưng nổi giận chưa bao giờ là một chính sách đối ngoại. Còn làm càn thì Trung Quốc có thể làm gì ? Biên giới trên đất liền đã thỏa thuận xong và đã cắm mốc, dù là với giá đắt cho Việt Nam. Khả năng Trung Quốc đưa quân tràn qua xâm lấn hoàn toàn không có. Trên biển, điều tối đa Trung Quốc có thể làm là đánh chiếm nốt những đảo còn lại của Việt Nam trong quần đảo Trường Sa. Điều này thực ra Trung Quốc cũng không thể làm và không dám làm. Trường Sa không nằm trong tầm hoạt động của không quân Trung Quốc và một hành động ngang ngược như vậy, chắc chắn sẽ khiến Trung Quốc bị lên án và tẩy chay với những thiệt hại khó lường cho họ.

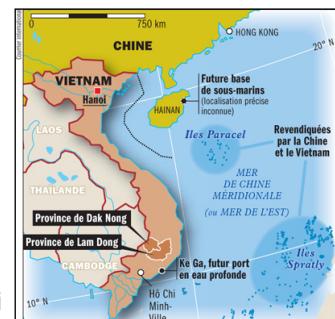
Để bù lại họ được thêm cái gì ? Chính quyền Trung Quốc rất thực tiễn và thừa biết rằng Trung Quốc cần thế giới hơn là thế giới cần Trung Quốc. Đó là chưa kể họ đang phải đương đầu với một tâm lý lo ngại ác cảm đối với Trung Quốc đang ngày càng gia tăng trên thế giới.

Tóm lại, không có lý do gì để phải sợ một phản ứng thô bạo từ phía Trung Quốc cả. Lý do thực sự khiến những người kế tiếp nhau cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam không muốn tách rời khỏi vòng ảnh hưởng của Trung Quốc để sáp lại với Hoa Kỳ chỉ giản dị là vì họ không muốn, dù thấy điều đó hoàn toàn an toàn và có lợi cho đất nước. Và họ không muốn chỉ vì họ nghĩ rằng hợp tác chặt chẽ với Hoa Kỳ và phương Tây không sớm thì muộn cũng sẽ khiến họ bắt buộc phải từ bỏ chế độ toàn trị một đảng.

Cần chấm dứt một hiểu lầm đã kéo dài quá lâu, theo đó Trung Quốc muốn và ép Việt Nam phải tùy thuộc họ. Điều này trái ngược hẳn với tất cả những gì đã xảy ra và mọi tài liệu đã được biết.

Sợ Trung Quốc chỉ là một lý cớ. Lý do thực sự đã khiến những người lãnh đạo đảng cộng sản chọn lề thuộc Trung Quốc, với những hậu quả bi đát cho quyền lợi và thể diện quốc gia, chỉ là chổ đứng và lòng tham của chính họ.

Thông Luận

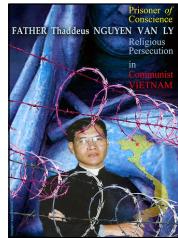


Tham luận

Vận động dân chủ, từ manh động đến hành động

Nguyễn Gia Kiêng

Người dân chủ nào không có cảm tình với Nguyễn Văn Lý khi nhìn tấm hình ông bị bịt miếng giữa phiên tòa ? Nguyễn Văn Lý đã sống bất khuất trong tù và chỉ được tạm phóng thích trong tình trạng sức khỏe nguy kịch, điều này lại càng làm tăng thêm sự kính phục đối với ông. Vậy mà chỉ sau một vài lời tuyên bố mới đây của ông, đa số những người tôi quen biết, ở Việt Nam cũng như tại hải ngoại trước đây từng ủng hộ Nguyễn Văn Lý rất nhiệt tình, đã tỏ ra thất vọng về ông. Trong một vài trường hợp, tôi có cảm tưởng họ không chỉ thất vọng với Nguyễn Văn Lý mà còn ngoảnh mặt luôn với Khối 8406 mà ông là linh hồn. Sự kiện này chứng tỏ một điều: uy tín là điều khó có nhưng lại dễ mất.



Nói chung, người ta phê phán Nguyễn Văn Lý đã nhận xét quá hời hợt về tiến trình dân chủ hóa tại các nước trong vùng, đã nói cuộc đấu tranh cho dân chủ chỉ có ý nghĩa và chỉ có hy vọng nếu có một chủ thuyết hoàn chỉnh, một lãnh tụ tài đức vẹn toàn và một tổ chức "phái hội đủ nhiều điều kiện lắm". Chắc chắn đây là những điều Nguyễn Văn Lý đã suy di nghĩ lại nhiều lần trong tù. Trước đây có lẽ ông cho rằng đấu tranh chính trị không phức tạp, chỉ cần có tấm lòng và sự dũng cảm, không cần tư tưởng chính trị, thành lập và lãnh đạo một tổ chức đấu tranh chính trị cũng không khó. Ông liên tục đưa ra những tuyên ngôn, tuyên cáo, thành lập trong vòng vài tháng ba tổ chức - Đảng Thăng Tiến Việt Nam, Liên Minh Dân Chủ và Nhân Quyền, Liên Đảng Lạc Hồng - với cùng một số người thân tín ít ỏi và bắt đầu vận động quần chúng ngay từ khi chưa có chuẩn bị nào.

Những thất vọng của các thân hữu nói trên đối với Nguyễn Văn Lý đều đúng cả, tuy nhiên riêng tôi thì lúc này tôi lại có cảm tình với ông hơn trước. Nguyễn Văn Lý đã "giác ngộ đấu tranh". Dù chưa nhìn ra giải pháp, các vấn đề Nguyễn Văn Lý nêu ra : tư tưởng chính trị (mà ông gọi là chủ thuyết), tổ chức và lãnh đạo đều là những vấn đề có thực và cho tới nay chưa được tiếp cận một cách nghiêm chỉnh. Người ta vẫn vội vã vận động quần chúng đứng dậy đấu tranh trong khi chưa may mắn chuẩn bị những điều kiện tối cần thiết để có thể động viên quần chúng và để lãnh đạo quần chúng trong trường hợp vạn nhất quần chúng hưởng ứng. Hậu quả chỉ là những tranh đua gây tiếng vang, rồi gây thất vọng. Mạnh động hơn là hành động. Nguyễn Văn Lý, bằng những phát biểu mộc mạc đã góp phần cảnh tỉnh đổi lập dân chủ Việt Nam.

Chung quanh chủ đề đấu tranh chính trị - và vận động quần chúng để giành thắng lợi - đã có rất nhiều thảo luận, nhiều đến nỗi người ta dễ quên những điều cơ bản nhất, những điều mà một người đấu tranh cho dân chủ không được quyền quên hay không biết nếu muốn thực sự hành động thay vì chỉ manh động. Hình như ít ai biết rằng đây là những đề tài đã được nghiên cứu và đã có kết luận. Nhiều tác giả rất nghiêm túc và có thẩm quyền thuộc các đại học danh tiếng đã công bố nhiều công trình nghiên cứu rất có giá trị. Điểm nổi bật của những nghiên cứu này là các tác giả có thể có những ý kiến khác nhau trên tầm quan trọng tương đối của các yếu tố của đấu tranh chính trị nhưng họ đều kết luận giống nhau, điều này lại càng làm tăng lên tính可信 của những kết luận. Và lại những kết luận này đều được thực tại xã hội và lịch sử kiểm chứng.

Những kết luận của họ là gì ?

Trước hết là kết luận quan trọng nhất : nếu tranh thủ nhân tâm cho cố gắng đổi mới xã hội, để thay đổi một chế độ và một chính quyền không còn lý do tồn tại bằng một chế độ và một chính quyền khác là điều lúc nào cũng có thể làm và phải làm thì ngược lại động viên quần chúng đứng dậy đấu tranh chỉ là giai đoạn cuối cùng của một tiến trình tranh đấu kiên trì, vào lúc những mâu thuẫn giữa chính quyền và xã hội đã chín muồi và những điều kiện cho một cuộc cách mạng đã hội đủ.

Những mâu thuẫn đó tựu chung có ba loại. Có những mâu thuẫn tâm lý do sự kiện đảng cầm quyền không do dân, vì dân mà là dụng cụ áp đặt của một thành phần ưu đãi và thành phần này có nếp sống và những quan tâm khác hẳn phần còn lại của dân tộc ; sự khác biệt trong lối sống và trong các quan tâm đó dần dần tạo ra thế tách biệt kinh địch. Có những xung đột quyền lợi do sự kiện một thiểu số chiếm đoạt hết những địa vị thuận lợi và bóc lột hoặc ngăn cản sự thăng tiến của đa số còn lại. Và cũng có những nguyên nhân thuộc về căn cước xã hội. Người ta đấu tranh vì căn cước bị xúc phạm, vì bị coi là thuộc loại công dân hạng thứ, bị từ chối những quyền tự do và những địa vị dành riêng cho một loại người. Tất cả những nguyên nhân xung đột này chỉ đủ mạnh để làm nẩy sinh ra ý chí đấu tranh nếu những người bị thua thiệt cảm thấy ràng buộc với nhau trong một thân phận chung. Các cá nhân riêng lẻ không bao giờ là một sức mạnh.

Nhưng ngay cả như thế, nghĩa là mọi người thấy chế độ không thể chấp nhận được và muốn thay đổi, cũng chỉ mới là điều kiện đầu tiên trong bốn điều kiện cần và đủ cho một cuộc cách mạng, hiểu theo nghĩa một thay đổi chế độ. Điều kiện thứ hai là đảng hay tập đoàn cầm quyền, vì mất lý tưởng chung hay vì bị ung thối, đã chia rẽ, phân hóa và khả năng tự vệ đã yếu đi ; điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng thuận về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới; điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm hội tụ cho những khát vọng đổi mới.

Điều kiện thứ ba, đồng thuận về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới, là điều kiện khó khăn nhất vì không thể có được bằng thiện chí, cố gắng và hy sinh, thậm chí ngay cả hiểu biết chuyên môn. Đây là một cố gắng trí tuệ trong đó các nhà tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng chính trị, có vai trò trung tâm và quyết định. Lịch sử cho thấy các dân tộc thiêng tư tưởng chính trị thường sa lầy rất lâu trong bế tắc. Linh mục Nguyễn Văn Lý có lẽ đã cảm nhận được như vậy khi ông nói phải có một chủ thuyết hoàn chỉnh. Ngày nay các chủ nghĩa đã lỗi thời, nhưng sự cần thiết của một tư tưởng chính trị - hiểu theo nghĩa một hệ thống các giá trị nền tảng được hiểu thấu đáo trong ý nghĩa của từng khái niệm và trong quan hệ của chúng với nhau trong hoàn cảnh quốc gia - vẫn còn nguyên vẹn. Nguyễn Văn Lý ít ra đã ý thức được tầm quan trọng của tư tưởng chính trị. Những cuộc thảo luận lý thuyết gần đây về các khái niệm tự do, dân chủ, nhân quyền và phát triển cho thấy chúng ta vẫn còn cần nhiều tiến bộ. Những ngộ nhận nhiều khi bộc lộ ngay nơi những trí thức hàng đầu.

Và vẫn còn điều kiện thứ tư nghĩa là sự xuất hiện một tập hợp - một tổ chức hay một liên minh có lãnh đạo thống nhất của nhiều tổ chức - được nhìn như là có vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh đổi đời. Nguyễn Văn Lý tỏ ra đã nhìn thấy những đòi hỏi lớn để có được tập hợp này khi ông nói nó "phái hội đủ nhiều điều kiện lắm".

Nhưng làm thế nào để xây dựng ra tập hợp đó ?

Lịch sử của các nước, các thời cũng đã chứng tỏ rằng mọi kết hợp đấu tranh cách mạng muốn thành công đều phải qua năm giai đoạn rõ rệt : 1/ xây dựng một cơ sở tư tưởng ; 2/ xây dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt ; 3/Xây dựng và kiểm điểm phương tiện ; 4/ xây dựng cơ sở quần chúng ; 5/ tiến công giành thắng lợi. Trong thế giới văn minh hiện nay, khi giải pháp vũ trang đã bị loại bỏ, tiến công giành thắng lợi đồng nghĩa với động viên quần chúng đứng dậy đấu tranh áp đặt thay đổi chế độ, hoặc bằng cách giành lấy chính quyền để thay đổi, hoặc bằng cách buộc chính quyền phải nhượng bộ và chấp nhận thay đổi.

Tiến trình năm giai đoạn này, trong đó xây dựng cơ sở tư tưởng chính trị là bắt buộc đầu tiên một lần nữa, cho thấy tầm quan trọng của tư tưởng chính trị. Một tổ chức chính trị đúng nghĩa phải được quan niệm

như một dụng cụ để thể hiện một tư tưởng chính trị và thực hiện một dự án chính trị.

Một nhận xét rất quan trọng là hai giai đoạn đầu, xây dựng một cơ sở tư tưởng và hình thành đội ngũ cán bộ nòng cốt, chiếm gần hết thời giờ và công lao của một cuộc cách mạng. Phải vài thập niên mới có nổi một cơ sở tư tưởng đúng đắn, lành lanh, được quần chúng chia sẻ và một đội ngũ cán bộ chừng vài trăm người với vài chục người là những cán bộ thực sự nòng cốt, nắm vững cơ sở tư tưởng, có bản lãnh, có quyết tâm, có kỹ thuật và kỷ luật đấu tranh. Nhưng một khi hai yếu tố này đã có, tổ chức có thể dựa vào một vận hội lịch sử mà phát triển rất nhanh chóng và giành được thế chủ động trong vòng vài năm, thậm chí vài tháng.

Tiến trình này cũng cho thấy vận động quần chúng chỉ là *cố gắng cuối cùng của giai đoạn cuối cùng* trong đấu tranh chính trị, dù là điều bắt buộc. Tuy vậy, điều bắt buộc không nhất thiết phải là điều quan trọng nhất. Lấy thí dụ một sinh viên đi học và thi để lấy bằng tốt nghiệp. Thi là điều bắt buộc nhưng không phải là điều quan trọng nhất, điều quan trọng nhất là học. Nếu đã học kỹ thì thi chỉ là một thủ tục, còn nếu không học mà đi thi thì kết quả đã hiển nhiên từ trước.

Nhưng quần chúng là gì ? Quần chúng phải được hiểu là khối đông đảo những người không phân biệt trình độ hiểu biết không dành cho hoạt động chính trị một quan tâm bền bỉ nào và cũng không tham gia một tổ chức chính trị nào. Đặc điểm của quần chúng là không gắn bó, mỗi người sống riêng lẻ, bình thường bất lực, khi được động viên thì ứng xử giống như một đám đông, nghĩa là một khối nhiều người không biết nhau đi theo sự hướng dẫn của những người cầm đầu.

Trong cố gắng động viên quần chúng, một số ngộ nhận cần được cảnh giác.

Ngộ nhận thứ nhất là cho rằng quần chúng là tất cả, quần chúng có thể động viên được một cách nhanh chóng và khi đã có quần chúng là sẽ thành công. Ngộ nhận này khiến người ta hâm hở vận động quần chúng (rải truyền đơn, căng biểu ngữ, kêu gọi biểu tình v.v.) dù chưa có chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức. Có những tổ chức ra đời chỉ để sách động quần chúng.

Ngộ nhận thứ hai là cho rằng nếu quần chúng phẫn nộ vì ý thức được rằng mình bị đàn áp và bóc lột thì họ sẽ đứng dậy đánh đổ chính quyền. Sự thực thì mọi kinh nghiệm đều cho thấy là một khối người dù đông đảo tới đâu và hoàn toàn đồng ý rằng mình bị áp bức cũng không đứng dậy tranh đấu. Họ chỉ đứng dậy tranh đấu nếu có một tổ chức lãnh đạo và tổ chức này phải đủ mạnh và gắn bó để khiến họ tin chắc vào thắng lợi.

Tâm lý đám đông của quần chúng cần được đặc biệt lưu ý vì có hai hệ quả rất quan trọng: một là quần chúng đòi hỏi lãnh đạo, do đó quần chúng chỉ có thể động viên được nếu có một tổ chức mạnh khởi xướng ; hai là, cũng như một đám đông, quần chúng được động viên do bị kích thích. Không có sự kích thích nào có thể kéo dài được, bởi vậy quần chúng chỉ có thể động viên được trong một thời gian ngắn. Tổ chức lãnh đạo vì vậy phải chuẩn bị trước kế hoạch để lợi dụng *tối đa và tức khắc* thời điểm thuận lợi này để đạt những kết quả dứt khoát không thể đảo ngược. Do hai đặc tính này giai đoạn động viên quần chúng là giai đoạn hết sức căng thẳng và sôi nổi. Các nhà nghiên cứu chính trị dùng cụm từ *chiến tranh động viên* (war of mobilization, guerre de mobilisation).

Một cách cụ thể, nếu bỏ qua những hành động khủng bố, hầu như trong mọi cuộc cách mạng bắt bạo động tại mọi quốc gia cuộc chiến tranh động viên diễn ra như sau :

- Một bên là phe đối lập cố gắng thuyết phục quần chúng rằng phải thay đổi chế độ chính trị và tổ chức xã hội để tìm một lối thoát cho cả dân tộc ; một bên là đảng cầm quyền cố gắng trấn an quần chúng rằng mỗi người có thể tìm giải pháp thăng tiến cá nhân cho mình trong khuôn khổ chế độ. Đối lập hô hào thay đổi xã hội trong khi chính quyền

đề cao sự linh động trong xã hội. Đối lập hô hào một giải pháp chung cho đất nước trong khi chính quyền hứa hẹn những khả năng thăng tiến cá nhân. Tóm lại đối lập kêu gọi đoàn kết để cùng nhau đấu tranh cho một giải pháp quốc gia trong khi chính quyền khuyến khích tâm lý luôn lách để tìm giải pháp cá nhân.

- Đối lập tố giác những sai phạm của chính quyền và những thiệt hại gây ra cho quần chúng. Để chống trả, một chính quyền khôn ngoan không bao giờ nói là tất cả đều rất tốt và không có gì phải thay đổi, vì như thế là vô tình tiếp tay cho đối lập bởi vì khiến người dân thấy là họ không có gì để hy vọng ở chế độ ; trái lại nó luôn luôn nhìn nhận là có nhiều sai lầm và tỏ ra cố gắng sửa sai, dù những biện pháp sửa sai chỉ nhằm duy trì hiện trạng.

- Đối lập kêu gọi hòa giải và hòa hợp dân tộc để có đoàn kết và sức mạnh dân tộc, trong khi chính quyền cố hết sức để khơi động những tì hiềm để giữ quần chúng trong thế chia rẽ bất lực. Cuộc nổi dậy nào của quần chúng cũng bắt đầu từ một biến cố khởi động xảy ra cho một tập thể quần chúng, nếu tập thể này không được sự hưởng ứng của các tập thể khác, thậm chí còn bị chống đối, thì biến cố này không thể trở thành khởi điểm cho một cuộc nổi dậy của toàn dân. Một thí dụ cụ thể, trong nhiều thí dụ khác, là khi người công giáo tranh đấu, như biến cố Tam Tòa tại Quảng Bình năm 2009, chính quyền cộng sản đã khơi động tinh thần bài công giáo để huy động những phần tử quá khích hành hung các linh mục và giáo dân. Các tập đoàn độc tài không cần người dân thương yêu chúng, chúng chỉ cần người dân đừng thương yêu nhau để tiếp tục bất lực trong sự chia rẽ.

- Đối lập cố gắng thống nhất đội ngũ lãnh đạo vì đó là điều kiện bắt buộc để động viên quần chúng ; quần chúng không thể đứng dậy nếu nhận được những lời kêu gọi mâu thuẫn từ nhiều nguồn. Chính quyền cố gắng phân tán và chia rẽ tối đa đối lập bằng mọi phương tiện, kể cả khuyến khích cách làm chính trị nhân sỹ, mua chuộc một số thành phần đối lập hay thành lập những tổ chức đối lập giả hiệu.

- Đối lập cố gắng trấn an những người trong bộ máy chính quyền rằng sự thay đổi chế độ sẽ không đe dọa họ trong khi chính quyền cố gắng tạo tâm lý lo sợ những trả thù báo oán để đoàn kết nội bộ trong phản xạ tự vệ. *Hoà giải và hòa hợp dân tộc là ngôn ngữ bắt buộc của một đối lập thông minh.* Bằng ngôn ngữ ôn hòa và bao dung, đối lập cố gắng thuyết phục và tranh thủ những thành phần tiến bộ trong đảng cầm quyền bởi vì những tiếng nói phản kháng từ trong nội bộ có sức tàn phá đặc biệt ; chính quyền cố gắng giữ vững hàng ngũ bằng cách phủ dụ và mua chuộc những người bất mãn, nếu không được thì trừng trị một cách thật nghiêm khắc để làm gương.

Cố gắng động viên quần chúng chỉ thành công nếu hội đủ ba điều kiện :

Điều kiện thứ nhất là *quần chúng cảm thấy mình là một thành phần bị một thành phần khác chèn ép và bóc lột*. Cần có sự hiện hữu của *hai tập thể* có căn cứ rõ ràng, một *tập thể ta* trong đó mỗi người cảm thấy mình là thành viên gắn bó và có trách nhiệm phục vụ, đồng thời cũng cảm thấy được hỗ trợ, và một *tập thể địch* mà tập thể ta nhìn như nguyên nhân của những đau khổ mà mình và các đồng cảnh là nạn nhân.

Tập thể địch có thể được tạm định nghĩa là thành phần thượng lưu trong chế độ. Tập thể ta phải là toàn dân hoặc đại đa số dân chúng. Như vậy muốn xây dựng tập thể này, không có giải pháp nào khác hơn là cung cấp lòng yêu nước và đề cao hòa giải và hòa hợp dân tộc. Không có lòng yêu nước thì không thể nói tới dân tộc, yêu nước mà chia rẽ và thù ghét lẫn nhau thì cũng không phải là một lực lượng và sẽ tiếp tục bất lực trong sự chia rẽ.

Điều kiện thứ hai là *phải có những hứa hẹn cụ thể*. Quần chúng không đủ hiểu biết và suy luận để có thể được hoàn toàn thuyết phục và động viên vì những phúc lợi của đạo đức chính trị, lòng yêu nước, tự do, dân chủ v.v. Họ phải nhìn thấy cuộc cách mạng đem lại cho họ những kết quả cụ thể nào. Các cuộc cách mạng Hoa Kỳ và Pháp cuối





thế kỷ 18 có nguồn gốc là chống thuế. Các đảng cộng sản tại Nga, Trung Quốc và Việt Nam đã có một hứa hẹn rất cụ thể là nếu nắm được chính quyền họ sẽ tiêu diệt giai cấp chủ nhân (hoặc địa chủ) và lấy của người giàu chia cho người nghèo.

Điều kiện thứ ba là *quần chúng phải chắc chắn là cuộc đấu tranh sẽ thành công*. Quần chúng không lâng mạn. Cũng không thể đòi hỏi sự dũng cảm và kiên trì nơi quần chúng. Dũng cảm và kiên trì là đặc tính của những tổ chức. Nhưng khi nào thì quần chúng tin chắc vào thắng lợi ? Câu trả lời của những kinh nghiệm lịch sử và những công trình nghiên cứu là khi *quần chúng thấy có một tổ chức vừa đáp ứng đúng nguyện vọng của họ vừa có đủ sức mạnh để giành thắng lợi*. Một lần nữa, đấu tranh chính trị luôn luôn là đấu tranh có tổ chức và không bao giờ là đấu tranh của những cá nhân. Sức mạnh của tổ chức được hiểu là phương tiện, trí tuệ, đội ngũ nòng cốt, uy tín của lãnh đạo, và nhất là sự gắn bó vì quần chúng nhìn một tổ chức như một người. Một tổ chức yếu về lực lượng hoặc chưa có uy tín dĩ nhiên không động viên được quần chúng. Một tổ chức không có nhất trí dưới mắt quần chúng giống như một người chưa biết mình muốn gì và do đó cũng không thể động viên được quần chúng. Vì vì tổ chức lãnh đạo quần chúng phải vừa mạnh vừa gắn bó, nó chỉ có thể là thành quả của những cố gắng thông minh và kiên trì trong hàng thập niên. Một tổ chức vừa mới thành lập được vài năm, chưa nói vài tháng, không có hy vọng nào động viên được quần chúng.

Điều quan trọng cần được nhắc lại và nhấn mạnh là một khi đã được động viên thì lực lượng quần chúng phải được sử dụng ngay tức khắc để đạt thắng lợi. Quần chúng không kiên nhẫn, nếu thắng lợi không đến nhanh chóng khí thế đấu tranh sẽ nhường chỗ cho thất vọng.

Tóm lại, quần chúng chỉ động viên được vào lúc mà mọi cố gắng và hy sinh để thành công đã làm xong, thắng lợi đã chắc chắn và quần chúng không còn chọn lựa nào khác hơn là ủng hộ.

Còn một lần nữa : một cuộc cách mạng có thể hoàn toàn bất bạo động trong mọi trường hợp được không? Những thay đổi chế độ trong hòa bình tại Đông Âu và Liên Xô cũ phải chẳng chỉ là do may mắn?

Quá thực động viên quần chúng là để buộc chính quyền phải nhượng bộ trước đe dọa của những hành động mãnh liệt như biểu tình lớn trên toàn quốc, chiếm đóng và làm tê liệt các cơ quan xí nghiệp, cuối cùng chiếm chính quyền dưới áp lực của đường phố, thậm chí nổ súng vô trang nếu cần. Điều rất quan trọng cần được nhấn mạnh là trong đại đa số các trường hợp những hành động này không cần thiết. Một đối lập sáng suốt có thể không dùng tới những hành động này trong mọi trường hợp. Chỉ cần có khả năng lật đổ chính quyền bằng áp lực quần chúng là đủ. Chính quyền nào, dù ngoan cố và lì lợm đến đâu, cũng sẽ thỏa hiệp thay vì đối đầu nếu biết trước đối đầu sẽ thảm bại.

Như thế tranh thủ và động viên quần chúng là điều phải làm, nhưng đưa quần chúng vào hành động là không cần thiết. Chỉ cần chứng tỏ có khả năng điều động quần chúng nổi dậy là đủ chứ không cần quần chúng thực sự nổi dậy.

Lời cuối : những ngộ nhận về vận động quần chúng chủ yếu do quan sát hồi hộp không khí tung bừng của những cuộc cách mạng đã thành công, người ta tưởng rằng các cuộc cách mạng này đã thành công vì được quần chúng ủng hộ, trong khi thực ra quần chúng chỉ ủng hộ các cuộc cách mạng đó vì chúng đã thành công. Trong lịch sử của các dân tộc, những cuộc đổi đời lớn đều là thành quả của những nhóm nhỏ đã có đủ trí tuệ để nhìn thấy hướng đi phải có cho xã hội và đã kiên trì đấu tranh, chấp nhận mọi cố gắng và hy sinh cho lý tưởng của họ. Sau cùng họ đã đánh bại được những tập đoàn cầm quyền nhiều lần mạnh hơn họ về cả phương tiện lẫn số lượng bởi vì họ là hiện thân của một tương lai bắt buộc phải đến trong khi tập đoàn cầm quyền là hiện thân của một hiện tại phải qua đi. Và vì họ đã có đủ quyết tâm, dũng cảm và kiên trì, để vượt qua mọi thử thách. Sự hưởng ứng của quần chúng sau cùng đã đến như là phần thưởng của thắng lợi.

Nguyễn Gia Kiểng

Tham luận

Đa đảng có lợi cho ai ?

(Việt Hoàng)

Đảng cộng sản Việt Nam từ trước tới bây giờ vẫn "nhất quán" trong việc chống "diễn biến hòa bình", chống "đa nguyên đa đảng". Trong tuyên bố với báo giới Ấn Độ mới đây, ông chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng lại khẳng định một lần nữa rằng Việt Nam không chấp nhận đa đảng.



Điều này nói lên điều gì ? Đầu tiên, nó phản ánh là sự kém tự tin và sự tự hào của đảng cộng sản, một đảng đã ra đời 80 năm và đã có 65 năm cầm quyền, vẫn chưa đủ tự tin để cạnh tranh với các đảng phái khác. Có lẽ "đảng ta" nên chịu khó đem sách vở sang học lại người "học trò cũ", tức thủ tướng Hun Sen của Campuchia.

Cho dù Campuchia vẫn còn nghèo khổ, tham nhũng, bất công nhưng không ai bảo là Campuchia không có dân chủ. Hun Sen là người cộng sản duy nhất trên trái đất này có thể (hay phải) tự đổi mới mình và ông ta đã thành công. Trong bốn nhiệm kỳ, đảng của ông chiếm đa số trong các cuộc bầu cử từ trung ương đến địa phương. Ông ta cũng được đánh giá cao về lòng yêu nước qua việc kiên quyết bảo vệ chủ quyền biên giới trước Thái Lan, trong vụ tranh chấp ngôi đền Preah Vihear. Trong vụ ông nghị sĩ đối lập Sam Rainsy nhổ cọc biên giới với Việt Nam, ông Hun Sen cũng không hề lên tiếng. Cứ nhìn vào những hành động này, chúng ta không thể không buồn cho sự "yếu hèn" của chính quyền Việt Nam trước người láng giềng Trung Quốc.

Thái Lan và Việt Nam chắc chắn mạnh hơn Campuchia nhiều lần, nhưng Hun Sen đã không hèn yếu và rồi cả Thái Lan lẫn Việt Nam đều chẳng làm gì được Hun Sen, ngoài vài lời phản đối lấy lệ của người phát ngôn Bộ ngoại giao.

Ngoài tấm gương Campuchia chuyển đổi từ độc tài sang thể chế dân chủ, còn hai tấm gương sáng cần tham khảo đó là trường hợp của Đài Loan và Hàn Quốc. Hai quốc gia này từng phải sống trong chế độ độc tài nhưng các thể chế độc tài cầm quyền đã chủ động chuyển sang thể chế dân chủ và bây giờ đã trở thành những quốc gia phát triển nhất ở Châu Á.

Mỗi đảng viên cộng sản Việt Nam phải thấy xấu hổ trước những câu hỏi như : Tại sao một đảng cầm quyền với 3 triệu đảng viên và 65 năm cầm quyền lại không dám cạnh tranh với các đảng chính trị khác ? Tại sao đảng cộng sản có hàng vạn tiến sĩ, thạc sĩ chính trị mà không dám đối thoại công khai với các nhà bất đồng chính kiến ? Tại sao đảng cầm quyền lại phải dùng đến những thành phần xã hội đen để chống lại nhân dân, chống lại các tôn giáo như vụ Bát Nhã và Tam Tòa ? Tại sao phải dùng tin tức để đánh phá các trang báo "lề trái" ? ...

Không có tổ chức chính trị đối lập lương thiện nào (trong cũng như ngoài nước) đòi tiêu diệt hay xóa bỏ đảng cộng sản, họ chỉ đòi hỏi đảng cộng sản phải cạnh tranh một cách "đường đường, chính chính" với các tổ chức chính trị khác. Đây là một đòi hỏi đúng đắn và nghiêm túc. Đất nước là của chung, của toàn thể nhân dân Việt Nam nên nhân dân Việt Nam phải có quyền lựa chọn cho mình người lãnh đạo đất nước. Nếu đảng cộng sản với những cương lĩnh và hành động tiến bộ và nếu nhân dân vẫn tin nhiệm thì đảng cộng sản vẫn tiếp tục cầm quyền. Đơn giản chỉ có vậy.

Tôi tin rằng nếu có bầu cử dân chủ thì có thể đảng cộng sản Việt Nam vẫn có thể thắng cử và tiếp tục cầm quyền. Đại hội XI của đảng cộng sản sắp diễn ra, đảng lại kêu gọi nhân dân đóng góp ý kiến cho đảng. Đảng phải thay đổi, nhưng thay đổi cái gì và thay đổi thế nào là vấn đề cần bàn. Thay đổi đầu tiên và căn bản nhất, nếu đảng thật lòng muốn thay đổi và muốn tốt cho chính bản thân đảng và cho nhân dân thì đó phải là quyết tâm chuyển đổi từ thể chế độc đảng sang thể chế dân chủ. Nếu đảng vẫn không chấp nhận sự thay đổi này thì mọi thay đổi nếu có cũng chỉ là dấu bối ngoài da cho căn bệnh đã ưng thư.

Đảng cộng sản đang độc quyền lãnh đạo đất nước nên rất thuận lợi trong việc chuyển đổi sang hướng dân chủ, nếu thực hiện có lộ trình. Lộ trình đầu tiên là chấp nhận những tổ chức chính trị đối lập ôn hòa và xây dựng. Hoặc cho phép tách đảng ra thành hai đảng như đề nghị của cụ Trần Lâm (Hải Phòng). Cho phép những tờ báo của các tổ chức ôn hòa này hoạt động độc lập với thỏa thuận là các tờ báo này phản biện các vấn đề một cách nhẹ nhàng và mang



tinh xây dựng. Tăng cường việc trao đổi, đối thoại giữa các nhà lý luận của đảng với các nhà bất đồng chính kiến (hay đối lập) một cách cởi mở trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phi chính trị hóa các chương trình giáo dục, từ phổ thông đến đại học. Cho phép báo chí tự nhân hoạt động, không can thiệp vào xã hội dân sự mà chỉ nên hỗ trợ trong bước ban đầu.

Đảng cần phải chấp nhận các nhà đối lập và bất đồng chính kiến, lắng nghe và hợp tác với họ thay vì bỏ tù họ. Những thành phần này và các tổ chức chính trị đối lập là tấm đệm để ngăn chặn các cuộc cách mạng đường phố và sự đổ vỡ khi có chính biến. Không khó khăn gì để đảng công sản nhận ra lực lượng chính trị đối lập nào là yêu nước, là mang tính xây dựng. Đảng phải chủ động đối thoại và trao đổi với các thành phần này để đi đến các thỏa hiệp chính trị.

Khi đại hội đảng XI tới đây đã đồng thuận thay đổi sang thể chế dân chủ thì lộ trình tiếp theo sẽ là trao Quốc hội cho nhân dân bằng cách tách ra thành hai viện :

- Thượng nghị viện chỉ có ở cấp trung ương. Mỗi vùng có một số thượng nghị sĩ bằng nhau do cử tri toàn vùng trực tiếp bầu ra.Thượng nghị viện có vai trò : bảo đảm sự thống nhất và hòa hợp quốc gia qua các vùng, đề nghị các dự luật, phúc thẩm, nếu cần, các đạo luật do quốc hội biểu quyết, khuyến cáo và đề nghị với chính phủ về các chính sách và về việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Thượng nghị viện có quyền đòi các viên chức chính quyền mọi cấp ra điều trần.

- Hạ nghị viện gồm các dân biểu mà đại đa số sẽ được bầu theo lối bầu phiếu đơn danh và một vòng, số còn lại được bầu theo tỷ lệ. Trong một nước Việt Nam với dân số 86 triệu, quốc hội có thể gồm khoảng 500 dân biểu, trong đó khoảng 450 được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng, số còn lại bầu theo tỷ lệ trên cả nước. Việc đa số được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng bảo đảm rằng sẽ không có tình trạng lạm phát chính đảng và sẽ có một đa số (của một đảng hay do liên minh của một vài đảng cùng khuynh hướng) để thành lập một chính phủ. Thiếu số bầu theo tỷ lệ cho phép mọi đảng phái có mặt trong quốc hội và cũng cho phép những người lãnh đạo các chính đảng có tầm vóc quốc gia khỏi phải tranh cử tại địa phương và để tập trung cố gắng cho những vấn đề của cả nước.

Trong giai đoạn đầu, có thể Thượng nghị viện sẽ do đảng công sản nắm giữ toàn bộ ; nhưng Hạ nghị viện phải thuộc về toàn dân, nghĩa là bất cứ công dân nào cũng được quyền ra ứng cử hay tranh cử vào các chức vụ dân cử. Sau đó, tất cả mọi các chức vụ dân cử : nghị sĩ (thượng viện), dân biểu (hạ viện) nghị viên (hội đồng vùng và tỉnh) đều phải qua tuyển cử tự do. Cử tri tự do chọn lựa ứng cử viên nào cảm thấy xứng đáng nhất.

Tại mỗi vùng, phần nghị viên được bầu theo tỷ lệ có thể cao hơn, các nghị viên có thể được bầu một nửa theo phương thức đơn danh một vòng, một nửa theo tỷ lệ. Để giới hạn con số các chính đảng, cần đặt một mức tối thiểu để có thể hiện diện trong quốc hội hay nghị viện vùng qua lối bầu tỷ lệ, thí dụ 5%. Hiến pháp Việt Nam sẽ được sửa đổi sau khi được sự đồng thuận của hai viện quốc hội. Như vậy tiếng nói của đảng vẫn còn nguyên giá trị trong khi tiếng nói người dân cũng được lắng nghe. Thủ tướng sẽ do quốc hội bầu ra và có trách nhiệm cao nhất.

Đây là lộ trình thay đổi lý tưởng nhất cho Việt Nam, lộ trình thay đổi chủ động từ trên xuống. Và đảng công sản hoàn toàn có thể làm được điều này nếu họ muốn. Như vậy tương lai của họ và con cháu họ hoàn toàn được đảm bảo, sẽ không có cuộc cách mạng nào xảy ra và họ vẫn có thể đồng hành cùng dân tộc.

Những người lãnh đạo đảng công sản chưa quen với sự cạnh tranh nên họ hay nghĩ ngại, nhưng thật ra "canh tranh" trong chính trị cũng không phải là gì quá ghê gớm hay quá khó, tất cả rồi sẽ quen đi và khi đã quen với sự cạnh tranh, nhất là lại chiến thắng trong các cuộc cạnh tranh đó thì họ sẽ thấy tự hào và sung sướng thật sự. Cái chính là họ sẽ có cảm giác thanh thản, tự tin thay vì lo lắng và bất lực như bây giờ. Thật lòng chúng ta thấy buồn và tội nghiệp cho các vị quan chức của Việt Nam khi xuất hiện và phát ngôn trước công chúng. Nói đâu sai đấy, và chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Lỗi không hoàn toàn phải tại họ mà tại cơ chế độc đảng. Phải có sự co xát,

sự cạnh tranh mới làm cho quan chức Việt Nam khôn ngoan, thông minh và tự tin hơn.

Để trở thành một chính trị gia thật sự thì điều đầu tiên phải chịu được đó là "chấp nhận" sự chỉ trích. Có những chỉ trích đúng, có những chỉ trích sai nhưng nếu không chịu được sự chỉ trích của thiên hạ thì không thể nào trở

thành người lãnh đạo tốt. Không một ai tin rằng chế độ độc đảng lãnh đạo sẽ trường tồn, nó phải chấm dứt một ngày gần đây. Không hiểu các vị lãnh đạo Việt Nam có khi nào đặt tự đặt cho mình câu hỏi chuyện gì sẽ xảy ra khi đó ? Con cái họ sẽ như thế nào ? Thanh danh của họ sẽ ra sao ? Nếu có câu trả lời thành tâm và nếu còn nghĩ đến hậu sinh thì những người này phải dứt khoát chọn con đường dân chủ hóa đất nước.



Dưới cơ chế độc đảng như hiện nay thì không những toàn thể nhân dân mất tự do mà ngay cả những cấp lãnh đạo cao nhất cũng không có tự do. Chúng ta không thể nào quên được hình ảnh ông Phan Văn Khải cầm giấy đọc trước mặt tổng thống Bush ở Nhà Trắng. Chúng ta cũng không quên được câu nói của ông Nguyễn Minh Triết khi trả lời sư ông Nhất Hạnh rằng "chúng nó (đảng cộng sản) sẽ đậm tui chết" qua lời kể của sư cô Chân Không trên dài RFA, khi sư ông Nhất Hạnh để nghị lập bia tưởng nhớ những người đã chết khi vượt biển tìm tự do.

Ngay bây giờ, không ai biết những quan chức lớn nhỏ của chế độ công sản Việt Nam sướng hay khổ ? Tôi nghĩ là khổ. Chỉ riêng việc ăn nhậu ngày mấy bữa cũng đã là cực hình. Có những quan chức Việt Nam kể rằng cả tháng họ chỉ ăn cơm nhà một vài bữa, số còn lại là ăn nhậu ở các nhà hàng. Họ than rằng "trốn" được bữa nào là may bữa đó vì không còn cảm thấy ngon miệng trong ẩm thực nữa. Có lẽ vì thế mà các nhà hàng phải nghĩ ra đủ mọi cách để tim món ăn mới lạ để phục vụ cho quan chức Việt Nam. Các loại động vật quý hiếm ở Việt Nam bị diệt chủng là lẽ đương nhiên và một điều đương nhiên nữa là những người suốt ngày ăn nhậu này không chết sớm mới là chuyện lạ.

Trong công việc cũng vậy, sự đấu đá, kèn cựa tranh giành lẫn nhau diễn ra hàng ngày, hàng giờ giữa các nhân viên trong cùng cơ quan, trong cùng một công sở. Mỗi người đều phải tìm mọi cách lấy lòng cấp trên bằng những



việc làm đôi khi trái với đạo đức và rồi họ sẽ trút giận vào nhân viên và cấp dưới. Chưa kể đến việc những kẻ cơ hội và vô học trèo lên các địa vị lãnh đạo bằng đầu gối. Những kẻ này thật sự là tai họa cho nhân viên dưới quyền và làm mất uy tín nghiêm trọng cho đảng cầm quyền.

Cũng chính do cơ chế độc quyền lãnh đạo mà "cái ghế" mới là chính, còn người ngồi trên cái ghế đó chỉ là phụ, là thứ yếu. Cũng là con người đang "oai phong lẫm liệt" ngồi trên "ghế cao", nhưng chỉ cần rời khỏi "cái ghế" đang ngồi thì ngay lập tức "con người đó" không còn là ai cả, không còn ai nhớ và biết đến ông ta nữa. Người ta chỉ sợ "cái ghế" chứ không phục "người ngồi trên ghế". Đây là nỗi nhục, nỗi xấu hổ, niềm cay đắng cho bất cứ ai đã phải trải qua tình cảnh này. Ví dụ mới nhất là trường hợp ông cựu bí thư tỉnh ủy Đồng Tháp Lê Minh Châu đăng trên báo *Tiền Phong* (*).

Để loại bỏ những tai họa này thì chỉ có một thuốc chữa duy nhất là dân chủ và minh bạch. Minh bạch không thể có được nếu không có dân chủ và dân chủ thì không thể có được trong các thể chế độc tài. Như vậy gốc của mọi vấn đề là "dân chủ chính trị" mà thể hiện phải có của nó là sự đa đảng.

Chỉ khi có đa đảng thì lãnh đạo các đảng mới "uốn nắn" được đảng viên của mình. Câu thần chú khi đó thật đơn giản : "Nếu anh hành xử tồi tệ như vậy thì không những anh mất chức mà "đảng ta" cũng mất quyền lãnh đạo". Đòi hỏi mỗi con người có tính tự giác là điều vô cùng khó khăn vì bản tính của con người khi sinh ra là đã có sự tham lam, sự xấu xa. Chỉ có sự chế tài thật mạnh, như việc "mất ghế" chẳng hạn, mới làm cho quan chức lo sợ.

Cũng chỉ dưới chế độ đa đảng thì mỗi quan chức nhà nước mới có thể tránh cho mình những súc ép không đáng có từ người thân, vợ con, làng xóm, dàn em... Khi có đa đảng thì mọi đảng đều phải tuân thủ pháp luật và như vậy quan chức không thể bao che, dung túng cho những hành vi sai lạc của người thân mình. Bộ phim truyền hình nổi tiếng "Chạy án" đã phản ánh nổi bật hạnh của ông bố Cẩm đầy quyền chức trước vợ con mình. Tình trạng này sẽ còn tiếp diễn chừng nào Việt Nam chưa có đa đảng, tức là chưa có cạnh tranh chính trị.

Như vậy, đa đảng đâu chỉ có lợi cho người dân ? Vậy hà có gì mà những người cộng sản lại sợ đa đảng ? Tại sao họ không dám cởi trói cho chính bản thân mình và con cháu mình ?

Những câu hỏi trên dành cho những người lãnh đạo đảng công sản và cho cả người thân lẫn con cháu của họ. Cái gì thuận theo tự nhiên sẽ tiếp tục phát triển, cái ngược lại ắt phải đào thải. Đây là chân lý tự nhiên của muôn đời...

Việt Hoàng (Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

(* <http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=190703&ChannelID=2>



Sinh hoạt kinh tế Trung Quốc**2010, một năm rất là "phức tạp"****Nguyễn Minh**

Trong báo cáo đọc trước quốc hội ngày 5-3-2010 vừa qua tại Bắc Kinh, thủ tướng Ôn Gia Bảo cho biết tình hình kinh tế xã hội của Trung Quốc trong năm 2010 rất là phức tạp. Trước đó, ngày 27-2, trong một cuộc họp với các cơ quan truyền thông trong nước, ông cũng đã nhấn mạnh : 2010 đối với kinh tế Trung Quốc là một năm đầy phức tạp. Không chỉ riêng thủ tướng Ôn Gia Bảo, khi đề cập tới tình hình kinh tế và xã hội của Trung Quốc, các cấp lãnh đạo cộng sản cũng thường xuyên lặp đi lặp lại hai chữ "phức tạp" trong các cuộc họp nội bộ từ trung ương đến địa phương. Vậy "phức tạp" là gì ?

Các chế độ độc tài cộng sản có biệt tài biến đổi nội dung của các ngôn từ để giải thích thuận lợi một sự kiện bất lợi cho họ. Chẳng hạn như khi "huy động côn đồ và đầu gấu tới hành hung những người bất đồng chính kiến" thì họ dùng cụm từ "phản ứng của nhân dân bất mãn". Ở đây, nghĩa của hai chữ "phức tạp" chỉ giản dị là "khó khăn". Nếu sử dụng cụm từ "khó khăn", ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc lo ngại phản ứng bất lợi từ phía quần chúng, vì hậu quả của khó khăn là tương lai đen tối. Khi tương lai đã đen tối thì hỗn loạn chắc chắn sẽ xảy ra, và không ai lường được hậu quả. Do đó, các cấp lãnh đạo cộng sản tránh dùng hai chữ "khó khăn" mà chỉ sử dụng cụm từ "phức tạp" để báo động về một tương lai đen tối của sinh hoạt kinh tế và xã hội Trung Quốc trong những ngày sắp tới.

Lý do là từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2008, những khó khăn về kinh tế và xã hội đã bắt đầu lộ diện và ngày càng lan rộng trên qui mô toàn quốc. Nếu tình trạng này cứ tiếp tục, đà tăng trưởng và sự ổn vững của Trung Quốc sẽ bị đe dọa. Nguyên nhân của những khó khăn này xuất phát từ các chính sách phát triển bất chấp môi sinh và quyền con người kéo dài trong suốt 30 năm qua.

Khó khăn trong bảo vệ môi sinh và định cư dân số

Trong ba ngày từ 20 đến 22-3-2010, một trận bão cát lớn chưa từng thấy đổ ập xuống khắp miền bắc Trung Quốc. Hàng chục ngàn tấn cát đỏ được gió thổi từ sa mạc Gobi (Ngoại và Nội Mông) vào nội địa Trung Quốc đã phủ ngập một vùng đất rộng lớn, hơn 810.000 km², đe dọa đời sống của 270 triệu cư dân sinh sống trong các tỉnh Tân Cương, Cam Túc, Ninh Hạ, Nội Mông, Sơn Tây, Thiểm Tây, Hồ Bắc, Bắc Kinh và Liêu Ninh. Tại khắp nơi, dân chúng phải dùng khẩu trang khi ra ngoài đường. Tại Bắc Kinh, dân chúng được khuyến khích nên ở nhà để tránh "khí độc" vì bụi cát đã nhuộm đỏ cả một bầu trời, riêng quảng trường Thiên An Môn cát mịn đã phủ dày hơn 2 cm. Sa mạc Gobi chỉ cách Bắc Kinh 800 km về phía tây và tiến gần về thủ đô mỗi năm thêm một vài cây số.

Bão cát là hiện tượng tự nhiên của biến đổi khí hậu trong những vùng sa mạc khi áp suất không khí gia tăng bất thường và chỉ xảy ra một vài lần trong năm. Nhưng tại Trung Quốc, bão cát là hậu quả của nạn hạn hán gây ra bởi con người. Theo Viện hàn lâm khoa học Trung Quốc, số lượng bão cát đã tăng lên gấp sáu lần trong 50 năm qua, mỗi năm trung bình có 12 trận bão cát, mạnh nhất là vào mùa khô từ tháng 3 đến tháng 6. Sự gia tăng này là hậu quả của các chính sách khai thác bùa bãi cây rừng, thâm canh nông nghiệp và chăn nuôi công nghiệp trên những vùng thiếu nước và nhất là chính sách phát triển đô thị không có qui hoạch. Hiện nay, sa mạc đang bao phủ một phần ba diện tích phía bắc Trung Quốc và đang có nguy cơ tiến dần xuống phía nam, đe dọa các tỉnh sản xuất nông nghiệp dọc các sông Hoàng Hà và Dương Tử.

Nhưng phía nam Trung Quốc cũng không khá gì hơn. Nạn hạn hán đang đe dọa mùa màng và sự sống của hơn một trăm triệu người sinh sống trong các tỉnh miền tây-nam Trung Quốc : Tứ Xuyên, Quý Châu,



Vân Nam, Quảng Tây. Việc xây đập và khai thác rừng bừa bãi trên thượng nguồn các con sông lớn đã làm cạn kiệt dòng chảy của các nhánh sông và làm biến đổi khí hậu. Hậu quả của chính sách này không chỉ gây thiệt hại cho người Trung Quốc mà cả các dân tộc sinh sống ở các vùng trung lưu và hạ lưu các con sông lớn như Lào, Thái Lan, Việt Nam và Campuchia.

Ô nhiễm môi sinh ánh hưởng nặng đến sức khỏe của người dân và là một gánh nặng cho toàn xã hội, nhất là tại vùng nông thôn. Chính sách phát triển chạy đua theo chỉ tiêu tại các địa phương đã huy hoại môi sinh và môi trường một cách không thương tiếc. Không một vùng đất và sông ngòi nào cạnh một nhà máy mà không bị nhiễm độc hay không khí không bị ô nhiễm. Mỗi năm nguồn nước độc này đã giết hại hơn 30.000 trẻ em. Ống khói từ những nhà máy phát điện băng than đá và hóa chất phun ra che tối cả nhiều vùng đất rộng lớn, nhiều chứng bệnh lạ đã được phát hiện do uống nước bị nhiễm độc hay ăn các loại rau quả mọc trên những vùng đất bị nhiễm độc từ các nhà máy hóa chất thải ra. Những trận mưa acid đã tiêu diệt mùa màng, buộc một quốc gia xuất khẩu lương thực như Trung Quốc phải nhập khẩu lương thực để tồn tại. Một nghịch lý rất khó giải thích.

Để hàn gắn những sai lầm, mỗi năm Bắc Kinh đã chi ra hơn 6,5 tỷ USD để phòng chống sa mạc hóa. Một chương trình qui mô khác đang được thực hiện để dẫn nước từ sông Dương Tử lên phía bắc, qua hệ thống kinh diêu, vì nước sông Hoàng Hà đang cạn kiệt. Lưu vực sông Hoàng Hà, cái nôi của nền văn minh Trung Hoa, cũng đang bị sa mạc hóa. Sau hơn hai ngàn năm sinh sống chung quanh con sông huyền thoại này, các chế độ chính trị Trung Hoa đã không làm một cố gắng nào để bảo tồn hay cung cấp con sông này cho mai sau. Hai bên bờ thượng nguồn sông Hoàng Hà ngày nay đã trở thành ô trọc, chỉ còn trơ trụi một màu đất vàng hết màu mỡ, chính quyền và dân chúng đã di chuyển sang những nơi khác : tiến xuống phía nam hay ra phía đông để tìm nguồn sống mới. Đó là lý do tại sao đã xảy ra chiến tranh giữa những thế lực trong cuộc tranh giành nguồn nước và đất đai canh tác dọc hai bờ sông Hoàng Hà trong những thế kỷ trước.

Cuộc di dân sang những vùng đất mới này cho đến nay vẫn còn tiếp diễn, nhưng qui mô và vĩ đại hơn trước. Bắc Kinh đang tìm cách giải quyết hiện tượng hàng chục triệu nông dân ở sâu trong lục địa di dời ra các tỉnh bờ biển phía đông, nơi có công ăn việc làm và cuộc sống sung túc hơn, để tái định cư. Mỗi năm có thêm 8 triệu người từ nông thôn ra thành thị tìm việc. Hiện nay đã có hơn 200 triệu thanh niên nông thôn ra thành thị làm việc, đa số đều không muốn trở về quê quán cũ khi mãn hạn hợp đồng hay không tìm được công ăn việc làm khác. Một số đã tìm cách đăng ký ra nước ngoài làm việc nhưng tuyệt đại đa số tiếp tục sống lây lất trong các thành phố lớn.

Sự nổ bùng dân số thời vụ trong các trung tâm thành phố dọc bờ biển phía đông gây nhiều khó khăn cho các chương trình qui hoạch và an ninh đô thị. Bên cạnh những cao ốc sang trọng giữa trung tâm thành phố và những khu biệt thự vắng người là những khu chung cư lao động thiếu tiện nghi và thiếu vệ sinh. Do không tìm được việc làm, khối lưu dân thất nghiệp sẵn sàng làm đủ mọi việc để có miếng ăn hàng ngày, nạn cờ bạc, đĩ điếm, trộm cắp và hút sách lan tràn khắp nơi. Không ai biết được những gì sẽ xảy ra khi dân cư trong những khu lao động này bị xúi giục xuống đường đòi quyền sống.

Khó khăn trong việc giữ vững chỉ số phát triển

Cho dù cố gắng phô trương chỉ số tăng trưởng dự kiến hơn 8% trong năm 2010, không ai tin rằng chỉ số này sẽ được giữ nguyên cho đến cuối năm. Nhiều yếu tố đã quá rành rành hiện ra trước mắt (xuất

khẩu giảm và lạm phát gia tăng) không cho phép dự đoán một tương lai xán lạn.

Sức mạnh của nền kinh tế Trung Quốc chủ yếu dựa vào xuất khẩu hàng hóa để thu về ngoại tệ. Với số ngoại tệ dư thừa, Bắc Kinh đã thu mua công khố phiếu do các nhà nước phát triển khác phát hành để làm nguồn tiền dự trữ. Trong suốt 30 năm qua, Bắc Kinh đã làm mọi cố gắng để thu hút đầu tư nước ngoài biến Trung Quốc thành công xưởng sản xuất hàng hóa cho cả thế giới. Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, chỉ số xuất khẩu của Trung Quốc suy giảm hẳn : năm 2009 - 30% so với 2008, năm 2010 dự trù - 13,8% so với 2009 ; trong khi đó nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu với giá cao vẫn tiếp tục gia tăng. Cán cân xuất nhập khẩu của Trung Quốc do đó trở nên thăng bằng, không còn xuất siêu như trước.

Bên cạnh đó, bị thúc đẩy bởi tham vọng dẫn đầu thế giới, chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc không ngừng gia tăng và sẽ thành một gánh nặng không thể chịu nổi. Chi phí sản xuất hai tàu sân bay cỡ nhỏ, với bắc sáng chế của Nga, và những loại tàu ngầm cỡ lớn tăng cao hơn dự trù. Đó là chưa kể những chi phí trang thiết bị các lực lượng không quân và bộ binh ngang hàng với NATO cũng vượt qua mức dự trù. Lo âu bị cắt giảm ngân sách, gần đây các cấp chỉ huy quân khu duyên hải đã bớt hung hăng trong việc đe dọa các quốc gia trong vùng Đông Nam Á và đòi so tài với Hoa Kỳ trên Thái Bình Dương.

Cho dù có giữ được mức tăng trưởng trên 8% trong năm 2010, tỷ lệ tăng trưởng thật sự của Trung Quốc cũng không là bao, khoảng từ 3 đến 4% (vì tỷ lệ lạm phát trung bình ở khoảng từ 4 đến 5%, do giá cả gia tăng). Nếu chỉ số tăng trưởng 3-4% này là của một quốc gia phát triển khác, đó là một thành công lớn vì tất cả mọi con số đều là thật. Nhưng với Trung Quốc, ít ai tin vào những con số do chính quyền đưa ra vì không phản ánh đúng sự thật.

Muốn giữ vững chỉ số tăng trưởng 8% nói trên, Bắc Kinh không thể điều chỉnh trị giá đồng CNY ngang bằng sự phát triển và hạn chế không tăng lương cho giới lao động để tiếp tục xuất khẩu hàng hóa với giá rẻ. Nhưng cố gắng này không thể duy trì được lâu vì giá nhiên nguyên vật liệu tiếp tục gia tăng trong khi doanh nhân Trung Quốc không thể gia tăng giá bán hàng hóa xuất khẩu vì sẽ khó bán. Lượng tồn kho ứ đọng hiện nay là một gánh nặng lớn cho nền kinh tế Trung Quốc, hàng chục ngàn xí nghiệp đã phải đóng cửa và hơn 50 triệu người đã bị thôi việc. Những người mất việc này (tương đương với 9% dân số lao động) không chịu về quê sinh sống là một gánh nặng xã hội khác.

Để giải quyết lượng tồn kho khổng lồ không xuất khẩu được, Bắc Kinh khuyến khích dân chúng tiêu thụ. Một lượng tiền khổng lồ vô tiền khoáng hậu 1.400 tỷ USD đã được bơm vào các ngân hàng để cho dân chúng vay. Nhưng tiêu thụ là cả một thói quen. Sống kề cận với sự nghèo khó, tâm lý chung của người dân Trung Quốc là tiết kiệm. Lượng tiền mà dân chúng vay từ các ngân hàng không được dùng để tiêu thụ (mua xe hơi, đồ gia dụng điện tử, v.v.) như Bắc Kinh mong muốn mà được dùng để mua bất động sản, một hình thức đầu tư khai thác thông cho tương lai con cháu của người Châu Á. Điều này giải thích tại sao chỉ số tăng trưởng của Trung Quốc năm 2009 vẫn tiếp tục gia tăng (8,7%) trong khi cả thế giới đều bị suy sụp.

Một cách vô tình hiện tượng bơm tiền này đã làm phình to một cách giả tạo quả bong bóng bất động sản. Giữa lúc trị giá bất động sản chung trên thế giới bị suy sụp, giá bất động sản tại Trung Quốc tăng cao như chưa từng thấy trong năm 2009. Điều này giải thích tại sao giá bán phòng ốc trong những tòa nhà chọc trời tại các trung tâm thành phố cứ tiếp tục tăng cao trong khi không có người nào vào ở. Người Trung Quốc mua nhà để đầu cơ hơn là để ở. Sự kiện này đang làm cả thế giới lo ngại, khả năng trả nợ của người Trung Quốc rất thấp vì lợi tức không cao và không đều. Bong bóng bất động sản tại Trung Quốc chắc chắn sẽ vỡ tan trong những ngày sắp tới, có thể là sau Hội chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010. Tình trạng vỡ nợ của các ngân hàng Trung Quốc là điều không thể tránh khỏi và, nếu nó xảy ra, chỉ số tăng

trưởng năm 2010 sẽ xuống rất thấp, không chừng dưới số không. Một tình thế rất là "phúc tạp", vì không ai biết những gì sẽ xảy ra sau đó.

Cùng với lượng tiền này, vật giá hàng hóa tiêu dùng cũng tăng lên cùng nhịp với tốc độ vay mượn. Bóng ma lạm phát đe dọa sinh hoạt kinh tế toàn quốc nói chung và đời sống từng gia đình nói riêng. Do trọng lượng dân số ngày càng tăng, trong khi khả năng sản xuất nông nghiệp ngày càng hạn chế vì thiếu đất đai canh tác, giá lương thực thực phẩm không ngừng tăng lên. Giá thịt heo, dầu ăn và lương thực thực phẩm đã liên tục gia tăng trong suốt 6 tuần vào dịp Tết nguyên đán vừa qua. Hiện nay không một người Trung Quốc nào không cảm rành về cuộc sống khó khăn, nhất là dân cư thành thị vì không thể tự túc lương thực. Nạn buôn chui bán lậu bắt đầu xuất hiện tại khắp nơi.

Trước hiện tượng lạm phát này, Bắc Kinh hoàn toàn bất lực. Trong một quốc gia bình thường, để ngăn chặn lạm phát, chính quyền phải thắt chặt lưu hành tiền tệ, nghĩa là khuyến khích tiết kiệm hơn là tiêu xài. Nhưng ở đây, Bắc Kinh không thể làm được vì không thể vừa tung tiền ra để khuyến khích tiêu xài vừa thu tiền vào để khuyến khích tiết kiệm. Một nghịch lý không có giải đáp.

Khó khăn trong việc xây dựng một xã hội hài hòa

Cố gắng giữ vững chỉ số tăng trưởng cao là ám ảnh lớn nhất đối với các cấp chính quyền Trung Quốc. Trong năm 2009, Bắc Kinh cũng đã bơm gần 600 triệu USD vào lãnh vực công cộng qua các chương trình xây dựng hạ tầng cơ sở để tạo ra công ăn việc làm nhằm giữ vững chỉ số tăng trưởng dự kiến.



Điều này cho thấy ê kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo muốn làm khác hòn ê kíp Giang Trạch Dân trước đó. Thay vì tiếp tục mô hình tăng trưởng qua chính sách bóc lột sức lao động của dân chúng để xuất khẩu tối đa hàng hóa thu về ngoại tệ, ê kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo chủ trương nâng cao mức sống người dân qua chính sách khuyến khích tiêu dùng nội địa, tái phân phối thu nhập xã hội mà họ che đậy dưới nhãn hiệu "xây dựng xã hội hài hòa". Nhưng thế nào là xây dựng xã hội hài hòa ?

Theo thủ tướng Ôn Gia Bảo, muốn duy trì sự ổn vững chính quyền Trung Quốc phải xây dựng cho bằng được một xã hội hài hòa, đó là một bắt buộc. Lý do ban hành chính sách này là vì hố cách biệt giàu nghèo giữa địa phương và trung ương, giữa thành thị và thôn quê, giữa các tỉnh ven duyên và ở sâu trong lục địa đã quá lớn, khó có thể san bằng trong một vài năm. Nếu chính quyền trung ương không làm một cố gắng nào, Trung Quốc có thể bị vỡ tan thành nhiều mảnh vì hố chênh lệch giàu nghèo giữa các tỉnh duyên hải và lục địa sẽ khó có hy vọng hàn gắn. Một xã hội hài hòa là một xã hội biết tôn trọng môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển và nâng cao mức sống người dân ở các vùng sâu vùng xa sao cho ngang bằng với thị dân ở các thành phố ven biển. Về đối ngoại, xã hội này sẽ biết tuân thủ các luật chơi quốc tế như chấp hành các hiệp ước quốc tế đã ký, tôn trọng môi trường và các qui luật quốc tế, để sau đó hội nhập trọn vẹn vào đại gia đình thế giới, đương nhiên là với một mức độ tự do dân chủ mà chế độ hiện thời có thể chấp nhận được.

Trên lý thuyết, về đối ngoại ê kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo chấp nhận tăng giá đồng CNY để sau đó chuyển qua qui chế hối suất thị trường tự do và nói lời qui chế đầu tư bất động sản trên lãnh thổ Trung Quốc. Về đối nội, ê kíp Hồ-Ôn đang canh tân lại bộ luật lao động nhằm ban hành các luật về khép uớc lao động, bảo hộ người lao động đến từ nông thôn (lưu dân) với mức lương tối thiểu, v.v. Tất cả các biện pháp trên nhằm tăng nguồn thu nhập của nông thôn để khuyến khích tiêu xài và tạo ra các công ăn việc làm phụ ngoài kỹ nghệ, như buôn bán lẻ, dịch vụ ăn uống, may mặc và đi lại, như tại các quốc gia phát triển khác.

Trong thực tế, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 2008 đã làm đảo lộn tất cả mọi dự trù. Chỉ số tăng trưởng đã không cao như dự đoán, ê kíp Hồ-Ôn buộc phải điều chỉnh lại một số chính sách. Về đối ngoại, họ chỉ chấp nhận cố định hóa chỉ số hoán chuyển, tăng tỷ

suất tiền lời. Về đối nội, họ buộc phải định chỉ việc áp dụng bộ luật khế ước lao động mới. Nói chung ê kíp Hồ-Ôn chỉ có thể thi hành những biện pháp rời rạc để giữ vững chỉ số tăng trưởng cao và cung rắn trước những chỉ trích hay đe dọa về phương pháp thu mua và khai thác nguyên liệu.

Những biện pháp vá víu này đã làm giảm sút uy tín và ảnh hưởng của hai ông. Phe bảo thủ của ê kíp Giang Trạch Dân, còn gọi là Thái tử đảng hay CCCC (con cháu các cụ), đã nhân cơ hội xuất đầu lộ diện và đe dọa chỗ đứng và vai trò lãnh đạo của hai ông trong nội bộ đảng Cộng sản. Trong số này, người ta thấy các ông Tập Cận Bình (phó chủ tịch nước), Bạch Hy Lai (thị trưởng Trùng Khánh), Uông Dung (thị trưởng Quảng Đông), v.v. Tranh chấp nội bộ sẽ còn tiếp diễn trong những ngày sắp tới và sẽ có cơ bùng nổ mạnh trong đại hội đảng lần thứ 18 sẽ tổ chức trong năm 2012. Những người này không muốn Trung Quốc thoát xác để hội nhập vào sinh hoạt chung của thế giới. Họ muốn đặt Trung Quốc dưới quyền thống trị của giai cấp đảng cộng sản để dễ bê thao túng và trực lợi.

Trước sự vươn lên của nhóm bảo thủ này mà dân chúng Trung Quốc gọi là "tập đoàn lợi ích" (người Việt Nam gọi là "liên minh quyền tiền"), phe Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo hầu như bất lực, vì sau lưng nhóm đó là cả một thế lực kinh tế và tài chính hùng hậu của các tỉnh ven biển giàu có, tay chân của Giang Trạch Dân ở Thượng Hải. Sự chống đối chính sách cải mở của ê kíp Hồ-Ôn do những tập đoàn lợi ích này chỉ nhắm bảo vệ lợi ích riêng của họ mà thôi.

Một vài thí dụ. Giữa lúc trị giá bất động sản trên thế giới sụt giảm, trị giá bất động sản tại 70 đô thị lớn tại Trung Quốc trong tháng 1-2010 tăng 9,5% so với cùng thời kỳ của năm trước. Thủ phạm nâng giá này là các đại xí nghiệp quốc doanh trong các đô thị lớn đã đồng loạt tăng giá bất động sản để thu về một số lợi nhuận khổng lồ cho các cán bộ cao cấp trong đảng và nhà nước bao che và đỡ đầu các tập đoàn lợi ích vừa kể trên. Mục đích của các tập đoàn lợi ích này nhằm thu vào tối đa tổng số tiền 1.400 tỷ USD mà nhà nước đã bơm vào các ngân hàng cho dân chúng vay để tiêu thụ trong năm 2009. Từ con số 4 tỷ phú USD năm 2004, ngày nay người ta có thể đếm trên 120 nhà tỷ phú USD trên toàn Trung Quốc. Một thống kê đăng trên báo *Le Monde* (xuất bản tại Pháp), số ra ngày 17-5-2005, cho biết những gia đình giàu có nhất Trung Quốc chỉ tương đương với 8,6% dân số nhưng chiếm hữu hơn 60% lợi tức toàn xã hội (1,4 tỷ người). Hố chênh lệch giàu nghèo do đó khó được san bằng, lợi tức dân cư thành thị cao gấp ba lần dân chúng nông thôn.

Để tránh bị mang tiếng gian tham trực lợi, các tập đoàn lợi ích này hô hào phát triển theo đường lối xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc. Họ lèn án mọi chủ trương đa nguyên đa đảng, tam quyền phân lập, tự do dân chủ kiểu phương Tây và tự do tôn giáo. Trong khi đó chúng lại cấu kết với những tập đoàn quốc tế khác để cùng chia sẻ quyền lợi. Chẳng hạn như công ty China Alumin ở Thượng Hải liên kết với công ty Rio Tinto của Anh-Úc (đang có vụ án hối lộ) để khai thác mỏ sắt ở Châu Phi. Tập đoàn China Coke hợp tác với công ty than đá của Mỹ để cùng khai thác mỏ than mới tại Mông Cổ với tổng số vốn đầu tư lên đến 12 tỷ USD. Công ty CNPC của Trung Quốc bắt tay với công ty BP của Anh để cùng khai thác những mỏ dầu Rumeira, với công ty Total của Pháp để khai thác mỏ dầu Halifa tại Iraq. Công ty Petro China hợp tác với Royal Dutch Shell thu mua công ty khai thác khí đốt của Úc. Gần đây hơn những tập đoàn này xâm nhập vào các quốc gia ASEAN để khai thác tài nguyên thiên nhiên và gỗ rừng trong mục tiêu xây dựng một vòng đai an ninh dọc vùng biên giới Trung Quốc và vô hiệu hóa khả năng chống trả của những quốc gia lân bang khi có xung đột.



Khó khăn trong việc duy trì quan hệ tốt với những đối tác quốc tế

Sự bất hợp tác của Trung Quốc trước những vấn đề quốc tế đã làm nhiều quốc gia bất mãn, nhất là Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu.

Thái độ không chấp nhận bị kiểm soát khí độc CO2 do các nhà máy hóa chất và nhiệt điện than đá thải ra của Trung Quốc đã là nguyên nhân thất bại của hội nghị thượng đỉnh Copenhagen hồi đầu tháng 12-2009 vừa qua. Dự luật quốc tế còn tố cáo Bắc Kinh che chở các chế độ độc tài diệt chủng tại Sudan, cản trở mọi chế tài trước quyết tâm sản xuất bom nguyên tử của chế độ Hồi giáo Iran, làm trì trệ mọi tiến trình ngăn cản chế độ độc tài cộng sản Bắc Triều Tiên de dọa Nam Hàn và Nhật Bản. Không những thế, Bắc Kinh còn hăm dọa trừng phạt những quốc gia vi phạm hay can thiệp vào sinh hoạt chính trị nội bộ của Trung Quốc, như tiếp tục bang giao hay mua bán với Đài Loan, bênh vực người Tây Tạng hay tiếp đón cấp nhà nước Dalai Lama, vị lãnh tụ tinh thần của người Tây Tạng. Để được phép xây dựng và thành lập cơ sở trên lãnh thổ Trung Quốc, các công ty xí nghiệp nước ngoài bị ép buộc phải cung cấp những tin tức liên quan đến những người chống đối chế độ khi được tiếp cận. Đó là chưa nói thái độ lì lợm không chịu điều chỉnh lại tỷ giá đồng CNY để tiếp tục xuất khẩu hàng hóa giá rẻ để chiếm lĩnh tất cả các thị trường hàng hóa quốc tế.

Sự kiên nhẫn của dư luận quốc tế, nhất là của các quốc gia phát triển, đã vượt quá mức chịu đựng. Bắc Kinh quên rằng phần lớn lợi tức mà họ thu về đến từ các quốc gia dân chủ phương Tây, họ không thể tiếp tục lấy thị trường to lớn 1,4 tỷ người này làm môi nhũ để làm áp lực mãi. Ngay từ đầu năm 2010, lời qua tiếng lại giữa Bắc Kinh và Washington ngày thêm gay gắt. Chính quyền Obama không thể tiếp tục nhượng bộ, đã bắn vũ khí phòng thủ cho Đài Loan, tiếp đón Dalai Lama và yêu cầu Bắc Kinh điều chỉnh lại tỷ giá đồng CNY. Công ty truy cập trên mạng Google của Hoa Kỳ đã rút khỏi Trung Quốc, trong những ngày sắp tới hàng chục công ty tư nhân quốc tế khác cũng sẽ cuốn gói ra đi. Giới doanh nhân và đầu tư quốc tế khác cũng thế, tất cả đang tìm cách rút lui vì Trung Quốc không còn là một thị trường béo bở như họ mong đợi. Bắc Kinh đang lo ngại rằng Hội chợ Thượng Hải 2010, khai trương vào đầu tháng 5 sắp tới, sẽ không thu hút được đông đảo du khách quốc tế như mong muốn vì giới truyền thông phương Tây không hề nhắc tới. Quốc gia nào cũng gặp khó khăn nên mọi chi tiêu cho những nhu cầu không cần thiết sẽ rất hạn chế.

Trước những hệ quả bất lợi này, Trung Quốc đang là nạn nhân của chính mình, nghĩa là phải đối đầu với lượng lớn các "phức tạp" do chính mình gây ra và... không có giải đáp. Cộng đồng quốc tế đã lý luận rất giản dị: một quốc gia nhờ xuất khẩu sang những quốc gia khác để trở nên giàu có, sau đó dùng sự phát triển này làm áp lực ngược lại, ép những quốc gia vừa kể phải quy lụy mình để được phép buôn bán thì không thể chấp nhận được. Đối với những quốc gia này, có một cái gì đó không bình thường trong giới lãnh đạo Trung Quốc, một là họ quá ngây thơ cứ tưởng mình là siêu cường số một, hai là muốn bế quan tỏa cảng để chỉ biết có mình. Trong thực tế, cả hai điều này đều không thực tiễn đối với Trung Quốc, Bắc Kinh rất cần sự hỗ trợ của những quốc gia phát triển phương Tây để giúp họ tiếp tục phát triển.

Nhưng tại sao cần được giúp đỡ mà lại hống hách với người đến giúp mình? Đây là một vấn đề hoàn toàn Châu Á. Phải làm cao thì mới được quý trọng, phải tỏ ra trịch thượng thì mới được kính nể. Văn hóa này không phù hợp với người phương Tây, tâm hồn của họ rất là giản dị: vui thì cười, buồn thì khóc, giận thì mắng, thường thì cho.

Nhưng ê kíp lãnh đạo tại Bắc Kinh đang gặp một vấn đề khác, nguy ngập hơn: tranh chấp quyền lợi trong nội bộ đảng Cộng sản đe dọa chỗ đứng của ê kíp cầm quyền. Nhóm Thượng Hải đang gây áp lực để chiếm lại quyền hành trong đại hội đảng năm 2012. Phe bảo thủ trong đảng, đa số thuộc ê kíp Giang Trạch Dân, đang chực chờ hỗn chiến với ê kíp Bắc Kinh (Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo) để hạ bệ giành lại quyền lãnh đạo đảng và nhà nước.

Điều mà mọi người lo ngại là tranh chấp quyền lợi ở cấp chóp bu và sự suy sụp của nền kinh tế Trung Quốc sẽ dẫn đến thế giới vỡ đôi.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Expo Thượng Hải 2010

Khuyến khích người Trung Quốc làm quen với tiện nghi

Kiêm Hương

Hội Chợ Thượng Hải 2010

Không đầy một tháng nữa Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010 tại Trung Quốc (World Expo 2010 Shanghai China) sẽ khai mạc và kéo dài trong sáu tháng, từ 1-5 đến 31-10-2010.



Theo dự trù đây sẽ là hội chợ quốc tế lớn nhất từ năm 1855 đến nay : trung tâm khu hội chợ rộng 15 ha trên một tổng diện tích 5,28 km2. Mỗi ngày sẽ có khoảng 400.000 người vào xem, tổng cộng 70 triệu người trong suốt 184 ngày (ban tổ chức dự đoán sẽ có hơn 100 triệu người vào xem, phần lớn là người Trung Quốc). Cho đến nay, 192 quốc gia và 50 định chế và cơ quan quốc tế đã hứa sẽ đến tham dự. Chính quyền Thượng Hải đã tổ chức nhiều buổi học tập khuyên dạy dân chúng hãy lịch sự và lễ phép với người nước ngoài. Hơn 70.000 thanh niên tình nguyện tham gia vào chương trình tiếp đón và hướng dẫn du khách trong suốt thời gian tổ chức hội chợ.

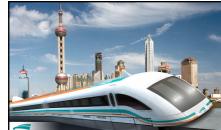
Chính quyền và dân chúng Trung Quốc đặt rất nhiều kỳ vọng vào hội chợ quốc tế này, vì đây là bằng chứng của sự thoát xác. Từ một quốc gia nghèo nàn và chậm tiến trong thập niên 1970, ngày nay Trung Quốc đã trở thành một cường quốc kinh tế lấn sân sự vào đầu thập niên 2010. Đây là một cố gắng vượt bậc của một quốc gia chiếm 1/5 dân số thế giới trong suốt hơn 30 năm qua.

Sau cuộc tranh đua gay go giữa các thành phố lớn trên thế giới : Yeosu (Nam Hàn), Moskva (Nga), Queretaro (Mexico) và Wroclw (Ba Lan), ngày 3-2-2002 thành phố Thượng Hải (Trung Quốc) đã được chỉ định tổ chức Hội Chợ Quốc Tế lần thứ 73 năm 2010. Đây là một phần thưởng mà mọi người Trung Quốc, nhất dân chúng Thượng Hải và tỉnh Phúc Kiến, nghĩ rằng đất nước và thành phố của họ xứng đáng nhận lãnh, sau khi được chỉ định tổ chức Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008.

Từ 2002 đến nay, chính quyền Thượng Hải đã chi hơn một trăm tỷ USD để đầu tư xây dựng lại hệ thống hạ tầng cơ sở (đường sá, cầu cống, đường ngầm, phi trường, hải cảng) để đón hội chợ quan trọng này. Riêng việc xây dựng mới lại hệ thống đường sắt dài 425 km đã tốn hơn 45 tỷ USD, với 8 đường xe điện mới và một đường xe điện cao tốc nối liền Thượng Hải (tỉnh Phúc Kiến) với thành phố Hàng Châu (tỉnh Triết Giang).

Chủ đề của cuộc triển lãm quốc tế này là "Better City, Better Life" (Thành phố tốt đẹp hơn, Cuộc sống tốt đẹp hơn). Chủ đề này không phải tình cờ, nó là cả một quá trình suy nghĩ của những người lãnh đạo thành phố Thượng Hải, mà Nhật Bản là một trong những tác nhân đóng góp. Qua hội chợ này, chính quyền Thượng Hải muốn để cao sự pha trộn giữa các nền văn hóa, sự phồn vinh của sinh hoạt kinh tế thị thành, canh tân khoa học kỹ thuật, xóa tan ranh giới giữa các cộng đồng và nối liền nông thôn với thành thị. Nói chung chính quyền Thượng Hải muốn hòa giải giữa cái cũ và cái mới để dân chúng của thành phố cùng nhau chia sẻ một tương lai chung tốt đẹp hơn.

Ưu tư của ban tổ chức hội chợ là không biết bao nhiêu du khách quốc tế sẽ đến tham dự. Cho đến nay, số phòng dành cho du khách quốc tế vẫn chưa đầy, nhiều khách sạn đã hạ giá phòng từ 30 đến 50% nhưng vẫn trống. Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đe dọa sự thành công của Hội Chợ Thượng Hải 2010. Nhất thái độ cứng rắn của Trung Quốc trước các vấn đề Darfur, Iran, Trung Đông và Bắc Triều Tiên đã làm các chính quyền dân chủ phương Tây không hài lòng và đang có những biện pháp trả đũa, như lập hàng rào thuế quan, tìm những sai sót trong qui trình sản xuất hàng hóa của Trung Quốc để trả về. Hơn nữa, thị trường Trung Quốc hiện nay không còn hấp dẫn ai vì chính quyền Trung Quốc đã lập nhiều rào cản để hạn chế quyền tự do



trao đổi và thông tin của các xí nghiệp phương Tây, ngoài nạn tham nhũng vẫn tiếp tục hoành hành. Do đó không ai dự đoán được sẽ có bao nhiêu du khách quốc tế đến dự.

Xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn

Điều làm mọi người ngạc nhiên là Nhật Bản chính là quốc gia đã sớm sáng giúp đỡ Trung Quốc từ thập niên 1970 đến nay để trở thành một siêu cường kinh tế và quân sự, qua các chương trình viện trợ không hoàn trả hay cho vay nhẹ lãi. Không những thế, giới doanh nhân Nhật Bản còn chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao cho doanh nhân Trung Quốc sản xuất hàng hóa để gia công hay xuất khẩu như xe gắn máy, xe hơi, đóng tàu, máy vi tính và linh kiện điện tử.

Mặc dù tiếp tục bị người Hoa chống đối, như những cuộc xuống đường mùa xuân năm 2005, chính quyền và doanh nhân Nhật Bản vẫn tiếp tục giúp hoặc hợp tác kinh doanh với người Trung Quốc. Những thành tựu khoa học kỹ thuật lớn của Trung Quốc phần lớn đều có bàn tay của Nhật Bản phía sau, như đường xe lửa cao tốc Bắc Kinh Thượng Hải năm 2008, hệ thống điện toán diều khiển các loại máy bay và tàu thuyền dân sự và quân sự. Gần đây hơn, công ty đường sắt Japan Railway của Nhật và một công ty Đức đang khởi công xây dựng đường xe điện linear motor thứ 2, nối liền Thượng Hải với thành phố Hàng Châu của tỉnh Triết Giang dài 200 km. Đường linear motor đầu tiên nối liền phía đông thành phố Thượng Hải với phi trường quốc tế Phố Đông (Pudong) trong vòng 30 phút, với vận tốc 431 km/giờ.

Trong cuộc triển lãm quốc tế World Expo 2010 Shanghai China này, riêng phía Nhật Bản đã có 22 xí nghiệp tư nhân và hai tỉnh của Nhật tham dự. tài trợ với danh xưng "Gian hàng kỹ nghệ Nhật Bản". Ban lãnh đạo gian hàng dự đoán cuộc triển lãm Thượng Hải sẽ làm thay đổi phong cách mua bán của người Trung Quốc. Với chủ đề "Thành phố tốt đẹp hơn, Cuộc sống tốt đẹp hơn" người Nhật tin rằng văn hóa tiêu thụ của các quốc gia tiền tiến sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến người Trung Quốc. Hàng hóa Nhật Bản được triển lãm dưới chủ đề "Cảm giác J" để lại các ý thức sạch sẽ, dễ thương, dễ chịu và mang lại sự êm dịu trong cuộc sống tốt đẹp hơn cho người Trung Quốc.

Từ thập niên 1970, giới chính trị và doanh nhân Nhật đã nhìn rõ vấn đề và vạch ra một chiến lược mới đối với Trung Quốc : giúp quốc gia này ra khỏi nghèo khổ để thành một đối tác dài hạn cho mai sau. Chính vì thế, mặc dù bị dư luận và một số nhân vật chính trị trong đảng cộng sản Trung Quốc chống đối, Nhật vẫn tiếp tục giúp đỡ Trung Quốc. Ngày nay mục tiêu đã đạt được, lợi tức đầu người Trung Quốc từ 300 USD/năm trong thập niên 1970 đã lên 3.000 USD/năm (2008), doanh nhân Nhật đang nhìn Trung Quốc như một thị trường tiêu thụ hàng hóa cao cấp lớn : TV màu rộng và đẹp, xe hơi điện, máy lạnh...

Nhưng mục tiêu chính của "Gian hàng kỹ nghệ Nhật Bản" là giới thiệu những kỹ thuật sản xuất hiện đại mà giới doanh nhân Nhật muốn bán cho Trung Quốc như kỹ thuật sản xuất xe hơi điện, đóng tàu sạch (giảm chất thải CO2). Qua những kỹ thuật này, doanh nhân Nhật tin chắc rằng họ sẽ vẫn nắm chặt thị trường 1,4 tỷ người này trong tầm tay, ít nhất trong một vài thập kỷ nữa, vì Trung Quốc chưa đủ khả năng phát minh hay sáng chế ra những kỹ thuật cao cấp tiết kiệm năng lượng và ít gây ô nhiễm.

Người Nhật tin rằng nếu dân chúng Trung Quốc quen dần với cuộc sống tiện nghi và sạch sẽ, họ sẽ quý trọng tự do và hòa bình, qua đó tôn trọng sự khác biệt chính kiến và văn hóa. Đó cũng là ước muốn chung của các quốc gia khác.

Kiêm Hương (Kanagawa)

Trang Thủ

Hãy chụp giùm tôi

Đừng khoe tôi, bởi người bạn tài hoa,
Nhưng tấm ảnh mang ra từ địa ngục.
Nơi bạn mới về rong chơi hạnh phúc,
Đù bao người vẫn tủi nhục rớt ra.

Đừng khoe tôi hình ảnh một quê nhà,
Mà bạn nghĩ đang trên đà "đổi mới".
Nhưng thành thị xưa hiền như bông buổi.
Nay bỗng dung rã rượi nét giang hồ.

Đừng khoe tôi những cảnh tượng xô bồ,
Nhưng trại lạc giờ vô phương cứu chữa.
Đất nước đã từ lâu không khởi lửa,
Sao rực rỡ hơn cả thuở chiến binh.

Đừng khoe tôi những yên tiệc linh đình,
Nhưng phố xá ngập phồn vinh già tạo.
Nơi thiểu số tung tiên như xác pháo,
Khi dân nghèo không muống chào cảm hối.

Đừng khoe tôi cảnh tụ họp ăn chơi,
Của những kẻ đã một thời chui nhủi.
Bỏ tất cả, trong đêm dài thui thót,
Ngược xuôi tim đường xăm xii vượt biển.

Đừng khoe tôi những con phố "bung biển",
Nhưng quảng cáo, những mặt tiền nhảm nhè.
Những khách sạn ánh đèn màu rực rỡ,
Tro trên bay, dù dỗi khách phương xa.

Đừng khoe tôi chốn thò phượng nguy nga,
Nhưng dinh thự xa hoa nằm choán ngõ.
Những màu sắc lam, vàng, den, tím, đỏ.
Đang uốn mình theo gió đón hương bay.

Đừng khoe tôi ảnh Hà Nội hôm nay.
Thành phố đã chết từ ngày tháng đó,
Khi bị ép khoác lên màu cờ đỏ,
Khi triệu người phải trốn bắc vô Nam.

Đừng khoe tôi những cảnh tượng giàu sang,
Đã được bạn tóm cùu vô ống kính.
Nhưng hình ảnh mà kè thù toàn tình,
Muốn tung ra để cố phinh gạt người.

Bạn thân ơi, sao không chụp giùm tôi,
Nỗi thống khổ của triệu người dân Việt.
Nửa thế kỷ trong ngục tù nêu xiết,
Ôan hòn kia đâu chết chẳng hề tan.

Chụp giùm tôi đàn thiều nữ Việt nam.
Thân trần trui xếp hàng chờ được lựa.
Hay bảy trẻ mặt chưa phai mùi sữa,
Bị bán làm nô lệ ở phương xa.

Chụp giùm tôi đôi mắt mẹ, mắt cha,
Mà suối lệ chỉ còn là máu đỗ.
Khóc con cháu ra đi từ năm đó,
Biển dập vùi, đà tách ngô u minh.

Chụp giùm tôi số phận những thương binh,
Đã vì nước quên mình trên chiến trận.
Mà giờ đây ôm hận,
Tâm thần tàn lận đậu giữa phong ba.

Chụp giùm tôi hình ảnh những cụ già,
Bạn đầu nâu gom ra đường hành khát.
Để đêm đến, nlop hết tiền góp nhặt.
Đốt chén cơm đầm nước mắt nuối thâm.

Chụp giùm tôi xác chết những ngư dân,
Bị tàu giặc bao lần trên biển rộng.
Hay những chiếc quan tài chưa kịp đóng,
Chôn cha, anh lao động Mă Lai vè.

Chụp giùm tôi thảm cảnh những dân quê,
Chiếu đánh đập chửi chè dù vô tội.
Hay cảnh những anh hùng không uốn gối,
Gánh đạ dày trong ngực tối bao la.

Chụp giùm tôi mốc biển giới Việt Hoa,
Lấn vào đất của ông cha để lại.
Hay lãnh thổ cao nguyên còn hoang dại,
Lũ sài lang hòn nhất lợy dâng Tàu.

Chụp giùm tôi những nghĩa địa buồn đau,
Chung tàn phả, chẳng cần đâu bia mộ.
Kẻ sống sót đã dành cam chịu khổ,
Người chết sao cũng khổn khổ trăm đường.

Hãy chụp giùm tôi hết những tang thương,
Hình ảnh thật một quê hương bất hạnh.
Nơi mà bạn, xưa đêm trường giá lạnh.
Đã cầm hòn quyết mạnh dạn ra khơi.

Chiếc thuyền con, ca nức lả cảm hối.
Mạng sống nhỏ dem phơi đầu sóng dữ.
Rời tha phương lữ thiê,
Tháng năm dài, qua khứ cũng dần phai.

Lòng người chông người ngoại,
Tháng Tư đến, có mấy ai còn nhớ !

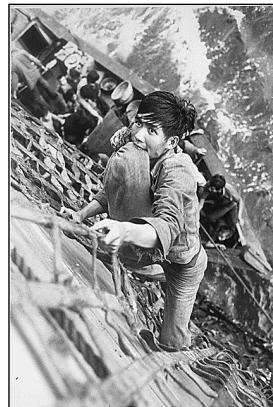
Trần Văn Lương

Cali, đầu mùa Quốc Hận, 2010



Khóc người đáy biển

Viết để khóc cho mình và cho những thuyền nhân
kém may mắn trên đường vượt biển
tim Tự Do sau 1975



Tháng Tư ra biển khóc người
Oan hồn hối, đáy trũng khói, xin về
Biển chiều vàng ánh tà huy
Đài tay sóng nâu bức đì vô hồn
Đứng trên bờ đá cát đen
Khóc người bồng tiếng thơ buồn xót xa
Ai hay đáy biển là nhả
Máu pha lè hận chan hòa đại dương
Thật da nát dưới bạo cuồng
Ngàn trang huyết sét bên đường tử sinh !
Mắt buồn nhìn sóng biển xanh
Thấy xương khói vẫn vỗ tình khói xương
Mà lòng đời đoạn đau thương
Xót người đáy biển đoạn trường chưa người !



Tháng Tư ra biển khóc người
Hiển linh, chúng giám đài lồi thư đau
Tôi viễn xít, người biển sâu
Chung kulu lưu lạc, chung sầu quê hương
Người trên sóng nước trùng dương
Tôi khung cửa hép, giờ dương bối mù
Bóc lột lịch. Lại Tháng Tư !
Đau lòng sông n้ำ làm thơ khóc người
Người vui xương trắng biển khơi
Còn lối sông kiếp dân Hồi vùi ai ?

Ngô Minh Hằng (Hoa Kỳ)

Nhắc lại ngày 30-4-1875

Vượt lên co cụm để giành chiến thắng

Nguyễn Văn Hùng

Mỗi năm cứ đến ngày 30 tháng 4, cộng đồng người Việt tỵ nạn miền Nam tổ chức tưởng niệm ngày Sài Gòn lọt vào tay cộng sản. Năm nay là lần thứ 35.

Dư luận thế giới đã rất kinh ngạc về sự kiện này. Kỷ niệm tang thương nào rồi cũng qua đi, nhưng đối với cộng đồng người Việt hải ngoại miền Nam nó không những đã không qua đi mà còn nhức nhối hơn trước, nhất là đối với những người ở vào lứa tuổi 50 như hiện nay. Những dự án cho tương lai và cuộc đời của họ đã trong một ngày bị mất đi tất cả. Càng ngạc nhiên hơn, uất ức bị thua trận này không đến từ những cấp lãnh đạo mà từ những cấp thừa hành, những cựu sĩ quan và công nhân viên chức trung cấp. Họ đã rất năng động trong những dịp kỷ niệm 30 tháng 4 để biểu lộ quyết tâm chống cộng.

Chống cộng có lẽ là động cơ chính hướng dẫn mọi sinh hoạt của cộng đồng người Việt miền Nam tại hải ngoại. 35 năm đã trôi qua, sự kiên cường này không hề suy giảm. Ai cũng muốn được nhìn nhận là người chống cộng triệt để. Mọi cuộc họp mặt phải thể hiện quyết tâm này, nếu không sẽ khó được chấp nhận. Trong cuộc tranh giành chức vô địch chống cộng, không ai ngăn cản được ai và cũng không ai chế tài được ai. Sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại miền Nam đã vì thế trở nên vô chính phủ. Ai muốn làm gì thì làm, ai muốn nói gì thì nói. Càng hung hăng chửi bới cộng sản càng được ủng hộ, vì ai cũng sợ bị tròng lên đầu cái nón cối. Đồng thuận duy nhất mà mọi người chấp nhận không dung tới là tôn giáo và văn hóa, nhưng ai cũng muốn lôi tôn giáo và văn hóa về phía mình để tham gia cuộc chơi chống cộng. Trong những dịp lễ lạc như Tết nguyên đán, Tết trung thu, ngày Phật诞, đêm Giáng sinh, ngày giỗ Tổ, kỷ niệm Hai Bà Trưng... muốn được đông người tham dự, ban tổ chức phải biểu lộ tình thân chống cộng qua rồng cờ vàng ba sọc đỏ.

Nói tóm lại, kiên trì kỷ niệm một thất bại có một cái gì không ổn. Sau một tai nạn hay một tai họa, những nạn nhân đều được ủy lạo tâm lý để tìm lại cuộc sống bình thường, cộng đồng người Việt tỵ nạn không có may mắn đó. 35 năm đã trôi qua, không một tài liệu nào, không một thiên phỏng sự nào nói về tâm lý cộng đồng người Việt miền Nam tỵ nạn sau ngày 30-4-1975. Hình ảnh những thuyền nhân Việt Nam lênh đênh trên biển cả có thể đã gây nhiều xúc động trong dư luận quốc tế, nhưng họ chỉ được ủy lạo và đưa đi định cư sang một quốc gia khác. Chấm hết. Không ai nhắc tới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, kể cả người Mỹ. Một trang sử đã bị lạnh lùng lật qua. Nhưng đối với cộng đồng người Việt miền Nam tỵ nạn, chế độ Việt Nam Cộng Hòa chưa chết, vết thương 30 tháng 4 do đó vẫn chưa lành.

Tại sao ám ảnh 30 tháng 4 tiếp tục hiện diện ?

Có nhiều lý do để giải thích.

Trước hết là tâm lý bị cưỡng bách đầu hàng. Dân chúng miền Nam không nhìn nhận sự chính đáng của Đường Văn Minh, một người được đề cử vào phút chót để thương lượng đầu hàng. Nhưng cho dù có chấp nhận hay không, lệnh đầu hàng đã được ban ra và toàn bộ dân quân cán chinh Việt Nam Cộng Hòa thời đó đều đã chấp hành, trừ một vài người đã tự sát để phản đối. Người ta không hiểu tại sao một quân lực hơn một triệu ruồi người, được trang bị hùng hậu, chưa giao tranh đã tan rã nhanh chóng trong vòng một tháng. Một số cấp chỉ huy đã bỏ chạy, số còn lại bị đưa đi cải tạo, dân chúng miền Nam bị hạ nhục tập thể. Nỗi đau bụi trận do đó vẫn còn nguyên trong tâm trí của nhiều người. Kỷ niệm ngày 30 tháng 4 chính vì thế là một hình thức phủ nhận sự đầu hàng và từ khước một thất bại không xứng đáng.

Thứ hai là tâm lý bất tin đối với các cấp lãnh đạo miền Nam. Chỉ khi ra được nước ngoài và sau khi ổn định cuộc sống, những người tỵ nạn mới nhận ra sự bất tài của các cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa.

Không những thế, trước cảnh hoạn nạn của hàng trăm ngàn đồng bào vượt biên lênh đênh trên biển cả, không một người nào trong chính quyền miền Nam đã trốn chạy ra nước ngoài đứng ra ủy lạo hay an ủi những đồng bào bất hạnh. Ngược lại, những người tuyên bố hung hăng nhất chính là những người rời bỏ chạy trước nhất, những người được nhìn nhận có tài nhất cũng là những người từ bỏ đồng đội sớm nhất để chạy thoát thân. Những người ở lại cũng không vinh quang gì hơn, hình ảnh hàng chục ngàn sĩ quan và công chức miền Nam ngoan ngoãn xếp hàng vào trại cải tạo không một lời phản đối càng thêm gây thêm chán ngán. Bị chính quyền cũ bỏ rơi và bị chính quyền mới phân biệt đối xử, dân chúng miền Nam như rắn mất đầu, không ai buồn nhắc tới ngày 30 tháng 4. Chỉ cộng đồng người Việt miền Nam tỵ nạn tại hải ngoại vẫn tiếp tục kỷ niệm ngày này như một hình thức phủ nhận sự lãnh đạo tồi dở của các cấp lãnh đạo cũ.

Thứ ba là tâm lý muốn phục hồi lại chế độ Việt Nam Cộng Hòa tại nước ngoài. Tại những nơi có đông người Việt tỵ nạn định cư, không khí và hình ảnh Sài Gòn cũ được tái tạo trong những hàng quán và cả trong phong cách giao dịch. Nhắc lại kỷ niệm 30 tháng 4, đối với nhiều người là nhắc lại sự sung túc và yên vui của cư dân thị thành một thời chinh chiến. Thêm vào đó, một số người còn tự phong cho mình những chức vụ chưa hề giữ để thỏa mãn những ước muốn chưa thực hiện được. Có nấm vừng được yếu tố này mới hiểu tại sao mỗi năm cứ đến ngày 30 tháng 4, mọi người đều đổ dồn về những khu phố đông đúc người Việt tỵ nạn để xuống đường chống cộng, để rồi sau đó cùng nhau thưởng thức những bữa ăn ngon bên bình trà hay chai rượu mạnh, nhắc lại một thời "vàng son", hay để được người khác ca tụng mình.

Sau cùng là tâm lý tôn vinh tinh thần chống cộng của miền Nam, mà biểu tượng là cờ vàng ba sọc đỏ, lá cờ của phe quốc gia, từ vĩ tuyến 17 trở xuống. Những cuộc họp mặt không treo cờ vàng đều bị tẩy chay, hay bị lén án. Tại nhiều nơi, cộng đồng người Việt tỵ nạn còn thuyết phục các chính quyền địa phương nhìn nhận lá cờ này như biểu tượng chống cộng của cộng đồng người Việt. Trong những dịp xuống đường kỷ niệm 30 tháng 4, hay ngày quân lực Việt Nam Cộng Hòa, những cựu nam nữ quân nhân, mặc dù tuổi đã cao vẫn hiên ngang trong bộ quân phục cũ, và con cái họ diễn hành dưới rồng cờ vàng trên đường phố trong tiếng quân nhạc và những biểu ngữ chống cộng.

Kỷ niệm ngày 30 tháng 4 cho đến bao giờ ? Câu hỏi này rất khó trả lời vì đây là một vấn đề tâm lý. Và tâm lý chỉ có thể giải thích bằng tâm lý. Hội chứng 30 tháng 4 là một vấn đề tâm lý. Phải có một động cơ tâm lý mạnh hơn, như tâm lý lạc quan, tâm lý chiến thắng mới lấn át được tâm lý hoài cổ của người Việt tỵ nạn hải ngoại.

Thấy gì trong thực tế ?

Qua bốn yếu tố tâm lý vừa kể trên, hai tâm lý đâu là chính đáng, hai tâm lý sau cần nhận định lại.

Không gì oan ức bằng bị trói tay dẫn vào thất bại. Dân chúng miền Nam không xứng đáng với thất bại 35 năm về trước. Nhưng họ cũng không thể làm gì hơn vì những người lãnh đạo đất nước thời đó đã quá tồi dở. Đây là tình trạng chung của những quốc gia vừa thoát khỏi ách cai trị thời Pháp thuộc. Người Pháp không đào tạo một giai cấp lãnh đạo người bản xứ để cạnh tranh với họ mà chỉ đào tạo những cấp thừa hành để phục vụ quyền lợi của họ. Phần lớn nhân sự lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa thời đó đều là quân nhân hay công chức thời Pháp thuộc để lại. Có thể những người này là những sĩ quan có tài, những công chức chuyên cần, nhưng tất cả chỉ là những cấp thừa hành nên không được đào tạo và huấn luyện để có tầm nhìn chiến lược.Thêm vào đó, họ là những cá nhân cô đơn, không xuất thân từ một đảng phái chính trị nào, một hậu thuẫn quyền lực nào, do đó

không được quần chúng hưởng ứng mạnh. Miền Nam thiếu hẳn một giai cấp chính trị. Trong khi đó, những đối thủ của họ có thể ít học hơn nhưng sau lưng họ là cả một guồng máy đảng ngày đêm hỗ trợ. Tập thể lúc nào cũng mạnh và sáng suốt hơn cá nhân. Phương tiện của một đảng lúc nào cũng nhiều hơn cá nhân. Cầm quyền không có guồng máy đảng hỗ trợ là thiếu sót lớn trong sinh hoạt chính trị tại miền Nam trước 1975. Ngày nay thiếu sót này tiếp tục diễn ra tại hải ngoại, nhiều nhân sĩ lãnh đạo cộng đồng còn hành diện xác nhận không làm chính trị. Thật là khó hiểu.

Xây dựng lại một cái gì đã mất không những bình thường mà còn chính đáng. Phục hồi lại sinh hoạt của xã hội miền Nam trước ngày 30-4-1975 rất đáng hoan nghênh, nhất là tại xứ người. Nếu chỉ dừng lại ở phần kỷ niệm thôi thì không gì đáng nói. Nhưng ở đây những người lãnh đạo cộng đồng lại muốn biến những trung tâm có đông người Việt tỵ nạn thành những thành trì chống cộng. Rõ ràng là có một cái gì không ổn. Co cụm không phải là một chiến lược đấu tranh. Chống cộng là một phản ứng tình cảm, khi không đồng ý điều gì thì người ta có quyền chống, nhưng không thể biến một tình cảm thành một lập trường đấu tranh, đẩy xa hơn nó biến thành những bạo loạn. Chính vì thế những khẩu hiệu chống cộng hiện nay đang gặp bế tắc, vì tất cả các quốc gia cứu mang cộng đồng người Việt tỵ nạn đều thiết lập bang giao với chính quyền cộng sản Việt Nam. Chắc chắn Hà Nội sẽ phản đối và phong trào chống cộng phải xếp xuống, vì không quốc gia nào muốn quan hệ với Việt Nam bị xấu đi bởi tình thần chống cộng này. Hơn nữa con cháu của thế hệ tỵ nạn cộng sản sau 1975 cũng không còn hăng hái tham dự những cuộc biểu tình chống cộng nữa, họ được huấn luyện để có một tầm nhìn xa hơn, đấu tranh bằng kiến thức hiệu quả hơn xuống đường la ó.

Sự co cụm của cộng đồng người Việt tỵ nạn tại hải ngoại làm nhô lại tình hình miền Nam sau Hiệp định Paris 1973. Khi cuộc chiến chỉ còn diễn ra ở miền Nam thì phe miền Nam có thua hoặc huề chứ không thể nào thắng, vì không được mang quân ra Bắc. Giống như một trận bóng đá, khi chỉ còn giao banh trên một nửa sân thì đội banh ở nửa sân còn lại chỉ có thua, hoặc giỏi lắm là huề chứ không thể nào thắng, vì không thể đưa banh sang bên kia để làm bàn. Khi lực lượng quân sự miền Nam (thật ra là quân đội Hoa Kỳ) bị cấm mang quân ra Bắc thì miền Nam chỉ có huề (với chính phủ ba thành phần), hoặc thua. Kết quả như thế nào thì mọi người đều biết.

Tình trạng này đang diễn ra tại hải ngoại. Nghị quyết 36/NQ-TW của bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam, ban hành ngày 26-3-2004, đang bắt đầu phát huy tác dụng. Hà Nội có toàn quyền xâm nhập vào bất cứ nơi nào có đông người Việt cư ngụ tại hải ngoại để xây dựng cơ sở: lập lanh sự quán, mua lại cổ phần của các cơ quan truyền thông và truyền hình Việt ngữ, mở cửa hàng mua bán, đưa du học sinh vào những trường đại học danh tiếng, mở lớp dạy tiếng Việt... Bên cạnh đó, những hội nghị Việt kiều, những trại hè, những cuộc thi đấu thể thao, những chuyến du lịch viếng thăm đất nước do Hà Nội tổ chức ngày càng đông người tham dự. Trước sự "tấn công" này, cộng đồng người Việt tỵ nạn hoàn toàn bất lực. Những thành trì chống cộng ở hải ngoại đang bị lung lay, khả năng mang cờ vàng xuống đường phản đối mất dần khí thế. Tháng 5-2004, hàng chục ngàn người mang cờ vàng xuống đường chống Trần Trường treo cờ cộng sản tại Bolsa (California) trong nhiều tuần lễ, bây giờ chưa tới một ngàn người xuống đường biểu tình chống Hà Nội thiết lập lanh sự quán.

Trong bối cảnh đấu tranh bất bạo động như hiện nay, văn hóa là vũ khí hữu hiệu nhất để tiếp cận đồng bào mà những người lãnh đạo cộng đồng đã không những không biết khai thác mà còn lén ám. Lấy thí dụ việc thiết lập các lanh sự quán, nếu Hà Nội lập được những tòa lanh sự tại những nơi có đông người Việt tỵ nạn cư ngụ thì người Việt hải ngoại phải vận động với lãnh đạo quốc gia mình cư ngụ dùng quyền hổ tương thiết lập những cơ sở lanh sự, phòng thông tin văn hóa tkhác ại Việt Nam, qua đó chuyên chở những thông điệp nhân

quyền và dân chủ vào trong nước. Tại sao văn nghệ sĩ trong nước tha hồ ra nước ngoài trình diễn, trong khi văn nghệ sĩ hải ngoại về nước thì bị lén ám ? Tại sao cứ tiếp tục đá banh trên nửa sân của mình ?

Rút ra bài học nào ?

Phải biết xâm nhập để tranh thủ nhân tâm, phải vượt lên co cụm để giành chiến thắng.

Ở vào thời điểm này, vai trò của cộng đồng người Việt hải ngoại có tầm quan trọng quyết định. Người Việt hải ngoại gồm trên hai triệu ruồi người, với hơn một nửa triệu người tốt nghiệp đại học và một số thu nhập cao hơn tổng sản lượng quốc gia (GDP) của quốc nội. Số tiền gửi về nước hàng năm cũng cao hơn bất cứ khoáng viên trợ quốc tế nào. Cả khối người này nếu chỉ được thôi thúc bởi lòng thù hận thì cũng không tác động được vào trong nước và do đó không làm gì được chế độ cộng sản. Ngược lại, nếu lấy lòng yêu nước, lấy hòa giải và hòa hợp dân tộc làm tinh thần chỉ đạo và lấy thắng lợi của dân chủ

làm mục tiêu đấu tranh thì khả năng thắng đảng cộng sản sẽ biến thành hiện thực.

Cộng đồng người Việt hải ngoại có nhiều khả năng và phương tiện để liên lạc và đi lại đều đặn về trong nước. Nếu được trang bị bằng một lập trường chính trị bao dung, họ sẽ một mặt động viên đồng bào tham gia cuộc vận động dân chủ, mặt khác khuyến khích và phối hợp với nhiều người dân chủ trong nước, kể cả những người dân chủ trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản, phổ biến những đường lối dân chủ, lén ám những hành vi sai trái. Hải ngoại sẽ bảo đảm mặt trận vận động quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ của thế giới và sẽ nhân lên nhiều lần tác dụng của những cố gắng tranh đấu cho dân chủ ở trong nước.

Người Việt hải ngoại ngày càng ý thức rằng họ vừa có vai trò của một đội tiên phong dắc lực trên mặt trận quốc tế vận vừa có tiềm năng của một hậu phương an toàn và hùng mạnh, cung cấp đầy đủ nguồn tài chính, thông tin, ý kiến và lý luận cho mặt trận quốc nội. Ý thức rằng một kết hợp dân chủ trong và ngoài nước có thể đánh bại đảng cộng sản dễ dàng đang càng ngày càng rõ rệt, và khi nó đã rõ rệt thì chế độ cộng sản sẽ bắt buộc phải chấp nhận tiến trình dân chủ hóa để tránh sụp đổ trong thảm khốc. Đấu tranh để buộc đảng cộng sản phải chấp nhận luật chơi dân chủ và bầu cử tự do như vậy là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và sẽ thắng lợi sớm. Vấn đề của các lực lượng dân chủ là tập trung cố gắng để bầu cử tự do đến thật sớm và trong những điều kiện thật tốt đẹp. Nhưng đấu tranh chính trị bao giờ cũng là đấu tranh giữa những tập thể, và cuối cùng chỉ diễn ra giữa hai lực lượng và hai mục tiêu đối nghịch, chứ không thể là đấu tranh giữa những cá nhân.

Nói tới đấu tranh là nói tới tổ chức và kỷ luật. Bài học 30-4-1975 cho thấy một đoàn quân đông đảo và được vũ trang đầy đủ nhưng không có chỉ huy và thiếu quyết tâm vẫn thảm bại trước một đạo quân trang bị thô sơ nhưng có tổ chức và kỷ luật. Đấu tranh chính trị do đó luôn luôn là đấu tranh có tổ chức và chỉ khi có đồng thuận trên những mục tiêu chung mới bắt đầu xây dựng tổ chức.

Xây dựng như thế nào ? Đó là cả một tiến trình kỹ thuật và chuẩn bị, chỉ những tổ chức và tập thể mới đủ khả năng và điều kiện để thực hiện. Đầu tiên là phải xây dựng cho bằng được một cơ sở tư tưởng chính trị để làm điểm hội tụ, kể là một đội ngũ cán bộ nòng cốt để phổ biến, tiếp theo là kiểm điểm phương tiện và sau cùng mới tranh thủ sự đồng tình của quần chúng. Chỉ sau khi hội đủ bốn điều kiện trên, giai đoạn công khai xuất hiện mới bắt đầu. Trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, hải ngoại có thể đảm nhiệm hai giai đoạn đầu, sau đó kết hợp với trong nước thực hiện hai giai đoạn sau.

Cộng đồng người Việt hải ngoại là đầu cầu chuyên chở thông tin, do đó không nên co cụm mà phải vận động về nước ngày càng đông hơn để phá vỡ bức tường bưng bí và giành thắng lợi.

Nguyễn Văn Huy

Thời sự Việt Nam

Nguyễn Chí Vịnh : mầm mống một đại họa

Tiến Hùng

Những ai theo dõi sát nội tình chính trị Việt Nam những năm gần đây hẳn không có gì xa lạ với cái tên Nguyễn Chí Vịnh, con trai đại tướng Nguyễn Chí Thanh, con nuôi đại tướng Lê Đức Anh, con rể tướng Đặng Vũ Chính, tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo Quốc phòng (TC2) siêu quyền lực (từ 2002 đến tháng 8-2009) và hiện là trung tướng thứ trưởng quốc phòng (từ tháng 2-2009) quyền lấn át đại tướng Phùng Quang Thanh.

Nói "quyền lấn át đại tướng Phùng Quang Thanh" là kể từ khi ông Vịnh chủ trì cuộc họp báo công bố *Sách Trắng quốc phòng Việt Nam* lần thứ ba hồi tháng 12-2009, và sau đó, chủ tọa một cuộc họp báo công bố chính sách đối ngoại quốc phòng của Việt Nam đầu tháng 2-2010. Đầu tháng 3-2010, trung tướng Vịnh lại cầm đầu phái đoàn Bộ Quốc phòng gặp gỡ trao đổi với bộ trưởng quốc phòng Lương Quang Liệt (Trung Quốc) nhân dịp kỷ niệm 60 năm quan hệ song phương. Trong khi phía Việt Nam hầu như không đề cập thì Tân Hoa Xã và báo chí Trung Quốc lại làm rùm beng.

Theo Tân Hoa Xã, trung tướng Vịnh nói : "Việt Nam hy vọng sẽ thu gặt nhiều lợi ích từ quan hệ hữu nghị và hiệu quả giữa hai quân đội, vì an ninh khu vực". Trong hoàn cảnh của Việt Nam, khi mà mối nguy thật sự chỉ phát xuất từ Trung Quốc và tranh chấp Biển Đông, người ta có thể hiểu rằng chiến lược quốc phòng của Việt Nam đã mất tính chất độc lập tự chủ như vẫn rêu rao, và hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Quốc với tất cả những hệ quả tai hại của nó. Ngoài ra, với tư cách thứ trưởng đặc trách tình báo quốc phòng bao trùm TC2 (với trung tướng tổng cục trưởng Lưu Đức Huy vốn là tay chân), ông Vịnh có thể cho phía Trung Quốc biết rõ nội tình các nhân vật hiện đang tranh chức tổng bí thư và chờ phía Trung Quốc cho ý kiến. Đó đã từng là công tác của ông cách đây 5 năm (cuối 2005) trong chuyến đi bí mật sang Bắc Kinh trước khi đại hội 10 nhóm họp năm 2006.

Một chỉ dấu về khả năng can thiệp này (qua TC2 và Nguyễn Chí Vịnh) là trưởng hợp ông Nguyễn Tấn Dũng có thể đã phải chịu sức ép để rút khỏi cuộc đua giành chức tổng bí thư. Cách đây không lâu, ông Dũng đã được dự đoán sẽ được bầu làm tổng bí thư qua một số biện pháp trình diễn trên thông tấn nhà nước. Ông Dũng còn tuyên bố lấy lòng phe tham nhũng đương quyền : "Trong 7 năm làm thủ tướng, tôi chưa từng ký luật ai !". Đây là một câu nói "lịch sử" của một thủ tướng "quyết tâm" chống tham nhũng, phù hợp với bản chất tham tiền cố hữu của ông. Chuyện ông Dũng nhận phong bì 5, 10 triệu đồng một cách thoải mái là điều ít ai không biết. Kể cả chuyện nhận 150 triệu đô của Trung Quốc về việc khai thác bô-xít...

Tuy nhiên, việc mất điểm gần đây của ông Dũng (với Trung Quốc) liên quan đến câu trả lời có vẻ mạnh miệng của ông với một giáo sư Harvard đến phỏng vấn về mối quan hệ Hoa-Việt : "Thời đại nước lớn bắt nạt nước bé đã lỗi thời !". Báo điện tử *VietnamNet* đã phải cắt đoạn này chỉ ít phút sau khi đăng. Chưa kể việc yêu cầu "báo chí cần chủ động thông tin bảo vệ chủ quyền". Nhân dịp khai mạc Hội nghị Ủy ban Trung ương đảng lần thứ 12 để bàn về nhân sự và các văn kiện, giới thiệu tin trong đó có giáo sư Carlyle Thayer đã đề cập đến 5 ủy viên Bộ Chính trị trong tầm ngắm chức tổng bí thư (không có tên ông Dũng) mà nổi bật là Trưởng Tấn Sang (nhân vật mới lên số 2 Bộ chính trị) và chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng, một người có hồn danh là "Trọng lú", rất thân cận với Bắc Kinh.

Nguyễn Chí Vịnh là thứ trưởng quốc phòng duy nhất không có chân trong ủy ban trung ương đảng. Về cấp bậc cũng thua tất cả các thứ trưởng khác (cấp thượng tướng) và hiện đang được chuẩn bị để được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khoá 11 cùng nắm giữ những chức vụ quan trọng.

Trong thực tế, Nguyễn Chí Vịnh hiện nay là nhân vật quyền uy nhất trong bóng tối của đảng cộng sản Việt Nam, chủ yếu vì đã "bỏ túi" và nắm trong tay toàn bộ hồ sơ có tì vết của các ủy viên Bộ chính trị. Nhân vật quyền uy nhất đó lại là tay sai của cộng sản Trung Quốc. Đó là một khẳng định tuyệt đối. Người ta không quên *Báo cáo của Bộ Quốc phòng* tại Hội nghị Quân ủy Trung ương mở rộng ngày 24 tháng 8 năm 2004 do Nguyễn

Chí Vịnh soạn thảo : "Cơ quan tình báo Hoa hải ngoại nhận định : Việt Nam không nên sút sắc gia nhập WTO vì, nếu Việt Nam xem việc gia nhập WTO là một mục tiêu ưu tiên, đồng nghĩa với sự "đổi màu" của xu hướng chính trị ngày một già tăng, do những điều kiện gia nhập WTO đưa ra về mặt cải cách". Chúng ta đã biết hậu quả của chính sách lệ thuộc này như thế nào. Cũng không nên quên về chiến dịch bắt bớ những nhân vật đấu tranh cho dân chủ gần đây như Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức... có bàn tay của TC2 và Cục Tình báo Hoa Nam.

Nguyễn Chí Vịnh và vương triều Vũ Chính

Nguyễn Chí Vịnh đã được biết đến nhiều kể từ khi thành tích lưu manh (bị đuổi học Đại học Kỹ thuật quân sự năm 1977 vì ăn cắp quân trang nhà kho) và bước đường làm ăn lem nhem (chiếm đoạt bất động sản, hợp đồng thương mại quân sự bi-dong và các công ty thương mại bình phong...), thủ đoạn mua chuộc, khống chế (kể cả Lê Khả Phiêu) và chỗ dựa vững chắc (nhóm G7, bố vợ, bố nuô...), tất cả được phơi bày qua bài viết của Võ Đồng Đội và phổ biến tràn lan trên mạng qua điện thư số 41 (tháng 3-2005) của Câu lạc bộ Dân chủ (1). Điện thư số 43 của CLBDC còn đưa ra nhận xét từ một thầy giáo trực tiếp của Nguyễn Chí Vịnh : "Học sinh Vịnh học lực yếu, ý thức tổ chức xấu, tính tự do vô kỷ luật, lại hay cầm đầu các vi phạm, tư cách riêng khác là rất thích giao du với con gái, và hay thông qua sinh hoạt ca hát, ăn uống để tiếp cận họ là một gánh nặng thêm cho nhiệm vụ đào tạo và rèn luyện của nhà trường, đặc biệt của khoa quân sự".



Chân dung của Nguyễn Chí Vịnh còn được mô tả đầy đủ hơn trong loạt bài về "Vương triều Vũ Chính" phổ biến tràn lan trên mạng. Vương triều này khởi đầu từ 1995 khi Cục 2 (Cục quân báo) được nâng lên thành Tổng cục Tình báo quân đội (TC2) ngang hàng với Bộ Tổng Tham mưu, trực thuộc Bộ Quốc phòng . Vì được sự nâng đỡ của tướng Lê Đức Anh vốn là thương cắp cũ tại Quân khu 9 và Campuchia, tướng Tổng cục trưởng Đặng Vũ Chính lên thay tướng Như Văn về ưu đãi lợi dụng đặc quyền của Tổng cục để đưa hai con (Đặng Vũ Dũng, Đặng Thị Tuyết), vợ Nguyễn Thị Nhẫn và nhất là con rể Nguyễn Chí Vịnh thao túng, lũng đoạn, biến TC2 thành một vương triều phục vụ cho mưu đồ tư lợi và nối dõi của mình. Kể từ khi làm rể ông Chính, Nguyễn Chí Vịnh thăng cấp đều đặn trước niên hạn mặc dù không thành tích hay thành tích ảo, về chức vụ cũng vậy. Nguyễn Chí Vịnh cũng lợi dụng đưa thủ túc lưu manh như Phạm Ngọc Hùng (Hùng Tú), cùng bị đuổi học Đại học Kỹ thuật quân sự vì trộm cắp như Nguyễn Chí Vịnh lên địa vị phó tổng cục trưởng (ngoại giao) hiện nay. Quan trọng hơn cả, qua những trò làm ăn bất chính tham ô trong TC2, Nguyễn Chí Vịnh có một tài sản kếch sù cả nỗi lỗ lỗ chìm được ước lượng nhiều trăm triệu đô, một tài liệu còn đưa ra con số 1,2 tỷ đô.

Ông Vũ Chính từng nói với người quen : "Cháu nó là con cán bộ cao cấp, phải nâng đỡ cháu... Tôi sẽ đưa cháu làm tổng cục trưởng, đại hội IX đưa cháu vào Ban Chấp hành Trung ương, đến giữa nhiệm kỳ vào Bộ Chính trị, phải để cho cháu nêu tên tướng".

Mưu đồ này của ông Chính bị trực trặc tại đại hội IX do Đại hội đảng TC2 không tín nhiệm, vì lúc đó ông chưa già được nhiều tay chân bộ hạ. Vả lại, lúc đó (2001) đang xảy ra vụ tai tiếng A10 do TC2 cài để nghe lén các ủy viên Bộ Chính trị. Lê Khả Phiêu đã bị mất chức giữa nhiệm kỳ do cố vấn thái thượng hoàng Lê Đức Anh tung ra nội vụ. Đến thời kỳ trước Đại hội 10, thì nổi lên "Vụ án TC2" nổ tung trên mạng và trong dư luận khiến Nguyễn Chí Vịnh đành phải tạm thời "nín thở qua sông" tuy vẫn tiếp tục thăng tiến lên trung tướng.

Vụ án TC2 và chân dung một tội phạm đích thực

Cái được coi là *Vụ án Tổng Cục 2* bắt nguồn chủ yếu từ lá thư của tướng Giáp ngày 3-1-2004 tố cáo vai trò siêu quyền lực của cơ quan này đã dẻ ra vụ án siêu nghiêm trọng Sáu Sứ và T4. TC2, như đã nói, được

tướng Lê Đức Anh cho phép thành lập năm 1995 từ Cục 2 (Quân báo) nhưng đã được nâng lên thành Tổng cục Tình báo quốc phòng ngang hàng Bộ Tổng tham mưu và trực thuộc Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên, với Pháp lệnh quốc phòng (tháng 12-1996) do chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh ban hành và Nghị định 96/CP (tháng 7-1997) do thủ tướng Võ Văn Kiệt ký (ông Kiệt nói là phải mất 6 tháng mới buông bút ký), TC2 đã trở thành một siêu quyền lực vượt qua Bộ Quốc phòng. Bởi vì TC2 tuy thuộc Bộ Quốc phòng nhưng quyền hạn bao trùm mọi lĩnh vực như chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học kỹ thuật, kỹ nghệ và môi trường, văn hóa xã hội. Đối tượng tin tức và nhất là quyền hạn của TC2 khiến cơ quan này không những vượt qua Tổng cục an ninh của Bộ Công an mà còn đi xa hơn. TC2 có quyền cài cắm nhân viên ở mọi cơ quan, quyền sử dụng con dấu của mọi cơ quan, quyền chi tiêu vượt mức (ngân sách lớn bằng nửa Bộ quốc phòng), quyền trực tiếp báo cáo Bộ Chính trị, chủ tịch nước, thủ tướng, quyền được thăng cấp đến trung tá...

Thực tế, TC2 đã lợi dụng ngụy tạo tài liệu và trở thành cơ quan phục vụ quyền lợi mưu đồ cá nhân của Lê Đức Anh trong tranh chấp nội bộ đảng thay vì nhắm vào các đối tượng cơ hữu của mình. Những vụ như Lý Tống thả truyền đơn trong khi người của TC2 bắn bầu trời, rồi để xảy ra vụ Tây Nguyên nổi loạn, Thái Bình nổi sóng, Năm Cam vùng vẫy, chẳng thấy TC2 báo động. Từ đó, những vụ án Sáu Sứ, T4, báo cáo mật của Quân ủy mở rộng do Nguyễn Chí Vịnh soạn thảo đã được thực hiện.

Lá thư của tướng Giáp đã được sự đồng tình của rất nhiều tướng lĩnh tên tuổi, mà nổi bật là thương tướng Nguyễn Nam Khánh với 4 lá thư (2), trong đó lá thư ngày 17-6-2004 là đặc biệt quan trọng. Tướng Khánh đã trình bày rõ vụ Siêm Riệp (1983), Sáu Sứ (1991) của Cục 2 và chủ yếu nhấn mạnh vụ T4 do Đặng Vũ Chính (tổng cục trưởng TC2) và Nguyễn Chí Vịnh (tổng cục phó) dàn dựng. Vụ T4 đã được mô tả là do TC2 bị ra một đặc tình giả tưởng đã cài cắm vào CIA và đưa tin những tin tức ngụy tạo liên quan việc liên lạc, chỉ đạo của CIA trong mưu đồ đảo chính của hàng chục nhân vật quan trọng trong đó có : Võ Nguyên Giáp, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, Lê Khả Phiêu, Trương Tấn Sang, Trương Vĩnh Trọng, Phạm Gia Khiêm, Phan Diên, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Văn Dũng, Võ Thị Thắng...

Để có một ý niệm về tính chất nghiêm trọng của nội vụ, chúng ta thử đọc qua một số bản tin nêu trong lá thư ngày 17-6-2004 liên quan đến ông Trương Tấn Sang, nhân vật số 2 Bộ chính trị hiện nay:

"Nhóm Trương Tấn Sang đang có kế hoạch tác động, móc nối lôi kéo để liên kết ông Ngô Xuân Lộc, Nguyễn Khánh Toàn và một số tướng lĩnh quân đội và công an, giao chúng nắm giữ các vị trí quan trọng trong chính phủ Việt Nam từ địa phương đến trung ương" (Bản tin số 497 ngày 24-3-1999).

"Các chuyên gia CIA nhận định một cuộc đảo chính có thể xảy ra vào tháng 7, tháng 8-1999 ở Việt Nam. Vai trò chủ chốt là Trương Tấn Sang và Trần Văn Tạo.

"Tư Sang, Tư Tạo tập trung thu phục phái từ Côn Đảo ở thành phố Hồ Chí Minh. Phái này có khả năng trở thành phe phái hợp pháp đối lập trong Đảng Cộng sản, lấy địa bàn Sài Gòn làm căn cứ".

"Đã có sự liên kết mới giữa Ngô Xuân Lộc, Phạm Gia Khiêm, Nguyễn Khánh Toàn, Đoàn Mạnh Giao, Lê Văn Dũng, Phan Trung Kiên, Nguyễn Văn Rop. Việc đảo chính của phe nhóm này sẽ tập trung vào kỳ họp 2 Quốc hội" (Bản tin ngày 2-8-1999).

"Tôi 6-1-1999 có một cuộc họp do Tư Sang tổ chức, tham dự có Võ Trần Chí, ông Đặng (giám đốc sở công nghiệp), Ba Ngộ và một nhân vật bí hiểm... Nội dung cuộc họp : Bàn mọi cách bảo vệ vị trí Bí thư thành ủy cho ông Sang, bằng mọi cách lôi kéo vây cánh để cố lập ông Lê Khả Phiêu và tiến tới thay ông Lê Khả Phiêu bằng một hội nghị bất thường vì ông Phiêu không ủng hộ Thành ủy và ông Tư Sang.

"Có một sự mưu tính từ một số phe phái chính trị. Trong Đảng Việt Nam đang mưu tính một cuộc cải cách chính trị, đảo chính chính trị. Có những kế hoạch tuyệt mật trên cơ sở báo cáo của Quốc nội do CIA gửi Văn phòng An ninh, Tổng thống. Phe phái chính trị này dự tính sẽ lôi kéo cả ông Lê Khả Phiêu và Phan Văn Khải đứng về phía họ ...Lúc bấy giờ Phan Văn Khải và Lê Khả Phiêu cũng phải theo họ vì không còn con đường nào khác. CIA đã chỉ đạo sẽ thực hiện kế hoạch" (Bản tin số 223 ngày 19-1-1998).

Dàn dựng kịch bản của TC2 như trên thì thật vô tiền khoáng hậu trong lịch sử tình báo. Dàn dựng như thế phục vụ mưu đồ của ai ? Không ai khác hơn là mưu đồ "lật án", đảo chính của Lê Đức Anh với sự đồng tình của Trung Quốc.

Đây là một vụ án chính trị cực kỳ nghiêm trọng có liên quan đến toàn bộ cấp lãnh đạo cộng sản. Tướng Khánh đề nghị Bộ chính trị và Ban chấp hành TW nếu không muốn bao che thì phải đưa vấn đề ra giải quyết trước pháp luật về tội phá hoại đảng, chế độ và tổ quốc những người lãnh đạo TC2 : Đặng Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh. Chưa kể cần làm rõ những kẻ đứng sau. Nguyễn Chí Vịnh chính là một tội phạm. Tướng Khánh cũng đề nghị Bộ chính trị, Quốc hội phải sửa đổi hoàn toàn hay hủy bỏ Pháp lệnh tình báo và Nghị định 96/CP.

Trong buổi họp ngày 15-7-2004 giữa tướng Khánh và ông Phan Diên, bí thư thường vụ, ông Diên đã đồng ý về đề nghị sửa đổi Pháp lệnh và Nghị định 96/CP nhưng chỉ muốn xử lý nội bộ Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh. Sau phiên họp này, tướng Giáp quyết tâm đưa vấn đề ra trước Ban chấp hành trung ương. Hội nghị Trung ương 12 dành phải cho thành lập Ban điều tra liên ngành về vụ T4 và hàng chục vụ khác liên quan đến vụ khống nội bộ. Nhưng sau đó Nông Đức Mạnh và Bộ chính trị đã giấu không cho đem ra thảo luận báo cáo 70 trang này trước khi đại hội đảng lần thứ 10 nhóm họp. Vụ án TC2 được coi như chìm xuống vì sự ổn định của chế độ. Nhưng những tồn tại và hệ quả của nó liên quan đến Nguyễn Chí Vịnh và TC2 vẫn tiếp tục.

Từ bài viết "TC2 : Vì ai nêu nỗi ?" đến quyết định kỷ luật trung tá Vũ Minh Trí

Sau Đại hội 10, trước sự tiếp tục thao túng TC2 của Nguyễn Chí Vịnh và sự đồng loã - hay nói đúng ra là lo sợ- của Bộ chính trị, một làn sóng công phẫn lại nỗi lên trong quân đội. Được nói nhiều và lan truyền trên mạng là hai lá thư "Thất trách số" của trung tá Vũ Minh Ngọc và nhất là lá thư ngày 16-12-2008 "TC2 : Vì ai nêu nỗi ?" của trung tá Vũ Minh Trí (3), một người đang làm việc tại Cục kỹ thuật TC2.

Lá thư tâm huyết 13.000 chữ của trung tá Vũ Minh Trí là nỗi lòng của một người có tư cách, ở trong TC2 hơn 10 năm không thể làm ngo trước những thao túng, tham ô, phe đảng, lừa gạt và bồ túc cấp trên của Nguyễn Chí Vịnh và đồng bọn. Từ "mầm kết tinh" Nguyễn Chí Vịnh, những mạng lưới của cái xấu đã hình thành và lan rộng, những cán bộ tốt bị vô hiệu hoá, nhuộm đen, những thành phần lưu manh, vô học đã được thăng cấp vượt mức. Trong sinh hoạt, đã hình thành việc ngu hoá cán bộ một cách có hệ thống. Và với cuồng vọng nguy hiểm của Nguyễn Chí Vịnh đã đưa tới những hệ quả nghiêm trọng, đặc biệt là việc thiết lập một mạng lưới "tin tức nội bộ" liên quan đến các nhân vật cao cấp, hoàn toàn ngoài chức năng của TC2.

Lá thư đã nêu những chi tiết xác minh và kết luận về TC2 : *"Nay đang ở trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng và toàn diện, đang bị chuyển hóa thành khối u ác trong lòng quân đội, trong lòng Đảng, ít nhiều phát tác tới bộ óc của quân đội, của Đảng thì rõ ràng tình báo chiến lược về quân sự cần được mau chóng quét sạch, cắt bỏ, diệt trừ tận gốc những mạng lưới xấu xa, cần được mau chóng thay máu triệt để để trước hết là trong sạch về chính trị, sau đó là khỏe mạnh về nghiệp vụ chứ không phải thay màu da trên xác chết, duy trì một Tổng cục II của Nguyễn Chí Vịnh mà không có Nguyễn Chí Vịnh".* Đó là điều đã xảy ra.

Lá thư của trung tá Vũ Minh Trí đã được sự đồng tình ủng hộ của tướng Võ Nguyên Giáp. Trong lá thư ngày 10-6-2009 gửi Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tướng Giáp đã ca ngợi tinh thần dũng cảm của trung tá Trí khi tố cáo Nguyễn Chí Vịnh đã "phá hoại TC2 toàn diện". Ông cho rằng sự tố cáo minh danh nói trên là phù hợp với điều lệ đảng và pháp luật nhà nước nên cần được ủy ban kiểm tra trung ương xem xét kiểm tra. Lá thư của tướng Giáp có nêu chi tiết : *"Nguyễn Chí Vịnh trước có những khuyết điểm, đồng chí Nông Đức Mạnh nói với tôi là không thể lên trung tướng và không biết đưa đi đâu để rèn luyện, nhưng thực tế lại không làm như vậy mà tiếp tục thăng quân hàm và giao trọng trách tổng cục trưởng và hiện nay vừa để bặt là thứ trưởng Bộ Quốc phòng làm cho ai cũng ngạc nhiên, lơ đãng, và nếu không làm rõ thì sẽ còn lên nữa".* Ở đây, chính thắc mắc của tướng Giáp về Nông Đức Mạnh cho thấy ông ta đã nằm trong vòng kim cô của Nguyễn Chí Vịnh từ lâu.

Một ngày nói thực

Một ngày nói thực

Đề nghị một ngày nói thực của ký giả Vương Thảo trên báo *Tuần Việt Nam* thực ra là một chuyện đã được thảo luận và quyết định tại Trung Ương Đảng và được thực hiện.

Sáng kiến xuất phát từ ban chuẩn bị đại hội 11. Ý kiến ban đầu là Đảng cần biết nhân dân thực sự nghĩ gì. Mới đầu ý kiến bị đa số bác bỏ là không cần thiết vì lòng dân đã hoàn toàn ủng hộ Đảng rồi. Nhưng sau đó lại có ý kiến cho rằng cần biết quần chúng thỏa mãn nhất trên những điểm nào và chưa hài lòng trên những điểm nào.

Sau khi đã quyết định làm một cuộc thăm dò dư luận để nắm rõ ý dân, ủy ban chợt nhìn thấy một khó khăn lớn : làm thế nào để người dân dám nói thực ý nghĩ của mình ? Giải pháp được đề nghị là lập ra một "ngày nói thực", trong đó toàn dân được khuyến khích nói thẳng, nói thực với bảo đảm an ninh hoàn toàn.

Ủy ban thấy đây là một quyết định vượt thẩm quyền của mình, vì có nguy cơ các phần tử xấu sẽ lợi dụng cơ hội này để đưa ra những lập luận tuyên truyền chống Đảng, vi phạm điều 88 bộ luật hình sự, thậm chí hô hào đa nguyên đa đảng, như thế chẳng khác gì âm mưu lật đổ chế độ theo điều 79. Ủy ban nhất trí xin ý kiến của bộ chính trị.

Sau khi thảo luận bộ chính trị chấp nhận đề nghị này. Ông Nguyễn Tấn Dũng nói chỉ có một ngày thôi thì không có gì quan trọng, bọn phản động có lợi dụng để nói xấu Đảng cũng chẳng sao. Ông Lê Hồng Anh còn cho rằng một ngày như vậy rất có lợi vì sẽ giúp phát hiện thêm nhiều phần tử chống Đảng khác.

Nhưng ngay trong giờ nghỉ giữa buổi họp, qua phản ứng của chính những người thân cận, các ủy viên bộ chính trị đều thấy là dự án này không thực hiện được. Thí dụ như ông Nông Đức Mạnh hỏi người phục vụ :

- Anh thử nói thực anh nghĩ gì về Đảng và tôi.

Người phục vụ đáp :

- Thưa đồng chí tổng bí thư, Đảng ta là đại diện chân chính của giai cấp công nông, được đông đảo nhân dân, đảng viên và cán bộ nhiệt liệt tán thành và ủng hộ. Đồng chí tổng bí thư là người tài đức, liêm chính, gương mẫu vẹn toàn được nhân dân Việt Nam kính yêu và cả thế giới ngưỡng mộ.

- Tôi bảo anh nói thực cơ mà ?

- Thưa đồng chí tổng bí thư, nói thực là tôi còn phải nuôi một vợ ba con, không dám nói thực.

Ông Mạnh thở dài. Đến lượt ông Dũng hỏi một bà nhân viên già, bà này đáp :

- Tôi có biết gì về thủ tướng đâu. Ngay cả thân sinh thủ tướng là ai, ông Nguyễn Tấn Minh, hay ông Lê Đức Anh, hay ông Lê Đức Thọ, hay ông Nguyễn Chí Thanh, hay ai khác tôi cũng chỉ nghe bàn tán chứ chẳng biết gi. Tôi chỉ biết thủ tướng là một thiên tài, đi du kích từ năm mươi tuổi, chẳng cần học hành gì mà cũng có bằng cử nhân, trình độ lý luận cao, làm đến thủ tướng. Thằng con tôi thông minh ra phết, thế mà cũng phải hơn mười lăm năm cầm cự đèn sách mới tốt nghiệp đại học, làm giáo viên quên suốt mười năm nay, lương chưa được ba triệu.

Các vị uỷ viên bộ chính trị khác cũng được những câu trả lời tương tự. Họ đồng ý là không có cách nào để người dân hết

MỤC LỤC

01. Không phải vì sợ Trung Quốc

Thông Luận

02. Vận động dân chủ, từ manh động đến hành động

Nguyễn Gia Kiêng

04. Đa đảng có lợi cho ai ?

Việt Hoàng

06. 2010, một năm rất là "phúc tạp"

Nguyễn Minh

09. Khuyến khích người TQ làm quen với tiện nghi

Kiêm Hương

10. Thơ : Hãy chụp giùm tôi

Trần Minh Lương

Thơ : Khóc người đáy biển

Ngô Minh Hằng

11. Vượt lên co cụm để giành chiến thắng

Nguyễn Văn Huy

13. Nguyễn Chí Vịnh : mầm mống một đại họa

Tiến Hồng

16. Một ngày nói thực

Đây

sợ mà nói thực cả. Ông Trương Vĩnh Trọng quả quyết rằng sẽ chẳng có đứa nào ngu mà nói thực cả, bọn duy nhất nói thực về Đảng và các cấp lãnh đạo là bọn dân chủ thì đã vào tù rồi.

Bộ chính trị vừa nhất quyết bác bỏ đề nghị một ngày tự do nói thực thì ông Nguyễn Phú Trọng có sáng kiến mới. Ông Trọng nổi tiếng là người thông minh, uyên bác, cởi mở và sáng tạo nhất bộ chính trị. Ông nói :

- Bây giờ là cuối tháng ba, sắp đến ngày mùng 1 tháng 4, thế giới gọi là ngày tha hồ dựng chuyện nói dối, ta cứ chọn vài chục ngàn người dặn họ trước là đúng ngày 1 tháng 4 phải nói dối hoàn toàn về Đảng và các cấp lãnh đạo, càng nói sai sự thật càng hay, sẽ có giải thưởng cho những người nói dối trung trọng nhất. Sau đó chỉ cần đảo ngược những điều họ nói, bởi vì điều ngược lại với dối trá là sự thực.

Cả bộ chính trị hoan hô đề nghị độc đáo này. Ông Hồ Đức Việt, tiến sĩ toán, nói thêm rằng không cần vài chục ngàn người, theo môn toán xác suất chỉ cần thăm dò khoảng một ngàn người là đủ. Chính ông Việt xin được đảm nhiệm việc thực hiện dự án này.

Trong một tuần chuẩn bị, ông Hồ Đức Việt báo cáo công tác tiến hành rất tốt đẹp, các đối tượng nhân dân được tiếp xúc đều hô hố tham gia và hứa sẽ nói dối thật trung trọng.

Chiều 1 tháng 4, kết quả thăm dò đầy đủ được gửi về. Mọi người được hỏi đều nói rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam là đảng tuyệt đối trong sạch, hết lòng vì dân vì nước, được toàn thể nhân dân tín nhiệm, bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ và lãnh hải một cách kiên cường và hiệu quả, khiến đất nước đạt những tiến bộ khoa học kỹ thuật vượt trội so với thế giới, các thách thức Việt Nam là những thách thức lương thiện, tài ba, xét xử hoàn toàn theo luật pháp và lương tâm. Mọi cấp lãnh đạo đảng đều được đánh giá là tài giỏi, cần kiệm liêm chính và có viễn kiến, riêng cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đáng được tạc tượng và ghi vào lịch sử như một anh hùng dân tộc, một thiên tài đầy viễn kiến, đã cương quyết khẳng định trước Trung Quốc chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đây

